

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

TẬP BÀI GIẢNG
XÂY DỰNG VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG

Giảng viên biên soạn: Nguyễn Thị Thủy

THANH HÓA, 2019

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	3
CHƯƠNG 1: LÝ THUYẾT VỀ XÂY DỰNG VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG VÀ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG Ở VIỆT NAM.	4
1.1.Cộng đồng xã hội	4
1.1.1. <i>Khái niệm cộng đồng xã hội</i>	4
1.1.2. <i>Các loại hình cộng đồng xã hội</i>	11
1.1.3. <i>Mối quan hệ giữa cộng đồng với cá nhân và xã hội</i>	12
1.2. Cộng đồng văn hóa.....	15
1.2.1. <i>Khái niệm</i>	15
1.2.2. <i>Các đặc trưng cơ bản của cộng đồng văn hóa</i>	15
1.2.3. <i>Các loại hình cộng đồng văn hóa</i>	16
1.2.4. <i>Các yếu tố cấu thành cộng đồng văn hóa</i>	17
1.2.5. <i>Sự phát triển và tiêu vong của các cộng đồng văn hóa</i>	20
1.3. Văn hóa cộng đồng.....	21
1.3.1. <i>Khái niệm</i>	21
1.3.2. <i>Các đặc trưng cơ bản của văn hóa cộng đồng</i>	21
1.3.3. <i>Các bộ phận chủ yếu của văn hóa cộng đồng</i>	22
1.4. <i>Mối quan hệ giữa cộng đồng văn hóa, cộng đồng xã hội và văn hóa cộng đồng</i>	22
1.5. Xây dựng văn hóa cộng đồng.....	25
1.5.1. <i>Khái niệm</i>	25
1.5.2. <i>Mục tiêu phát triển văn hóa cộng đồng</i>	31
1.5.3 <i>Nội dung của phát triển văn hóa cộng đồng</i>	31
1.6. <i>Thực trạng hoạt động văn hóa cộng đồng ở Việt Nam</i>	32
1.7. <i>Thực trạng phát triển văn hóa cộng đồng ở Việt Nam hiện nay</i>	34
1.8. <i>Cơ hội và thách thức của nền văn hóa Việt Nam trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế</i>	45
CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH, PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG	54

2.1. Một số vấn đề về xây dựng văn hóa cộng đồng.....	54
2.1.1. <i>Khái niệm</i>	54
2.1.2 <i>Mối quan hệ giữa dự án, chương trình và chính sách</i>	54
2.1.3. Mục tiêu của dự án văn hóa cộng đồng	57
2.1.4. <i>Xây dựng văn hóa cộng đồng cũng như phát triển cộng đồng:</i>	58
2. 1.5. Nguyên tắc về quy trình phát triển văn hóa cộng đồng	58
2.2. Quy trình tổ chức hoạt động của văn hóa cộng đồng	60
2.2.1. Lựa chọn và nhận diện cộng đồng	61
2.2.2. Xác định nhu cầu.....	62
2.2.3. Xây dựng mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể.....	64
2.2.4. Xác định nguồn lực và trở ngại.....	66
2.2.5. Xây dựng kế hoạch hoạt động.....	67
2.2.6. Triển khai hoạt động	68
2.2.7. Đánh giá, rút lui.....	69
2.3. Lập phương án xây dựng một số hoạt động văn hóa cộng đồng cụ thể.....	70
2.3.1. <i>Xây dựng chương trình phát triển văn hóa đọc (cộng đồng các em nhi đồng tại địa bàn cư trú)</i>	70
2.3.2. <i>Xây dựng chương trình hướng nghiệp tại trung tâm giáo dục cộng đồng...</i>	70
Chương 3: THỰC HÀNH TỔ CHỨC MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VĂN HÓA CÔNG ĐỒNG.....	71
3.1. Hoạt động thông tin - tuyên truyền, cổ động	71
3. 2. Hoạt động của câu lạc bộ	72
3.3 Hoạt động giáo dục truyền thống.....	72
3.4. Hoạt động văn nghệ quần chúng.....	73
3.5. Xây dựng nếp sống văn hóa	74
3.6. Hoạt động thể dục thể thao, vui chơi giải trí.....	74
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	75

MỞ ĐẦU

Văn hóa cộng đồng dân cư là một trong những nhân tố cơ bản làm nên nền tảng của đời sống tinh thần xã hội. Xây dựng và phát huy nét đẹp của đời sống văn hóa cộng đồng dân cư là trực tiếp xây dựng cơ sở tốt đẹp, văn minh; là góp phần tạo nên động lực quan trọng, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm tới nhiệm vụ xây dựng và phát triển đời sống văn hóa, xã hội. Cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa các cộng đồng dân cư (xóm, làng, ấp, khu phố...) được phát triển rộng khắp, đang hướng theo chiều sâu và thu được nhiều kết quả tốt đẹp. Tuy nhiên, đời sống văn hóa của cộng đồng cư dân, nhất là ở khu vực nông thôn còn nhiều bất cập, đòi hỏi phải có nhận thức đúng đắn về phát triển văn hóa cộng đồng và có những phương pháp tiên tiến nhằm phát triển văn hóa cộng đồng có hiệu quả, tạo ra động lực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

CHƯƠNG 1: LÝ THUYẾT VỀ XÂY DỰNG VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG VÀ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG Ở VIỆT NAM.

1.1.Cộng đồng xã hội

Cộng đồng là một thực thể tồn tại khách quan, từ khi con người xuất hiện đã tập hợp trong những cộng đồng khác nhau. Luận thuyết về cộng đồng thường gắn liền với sự nghiên cứu các phương diện: dân tộc học, xã hội học, sử học, văn hóa học... Khái niệm cộng đồng ngày nay đã trở thành một khái niệm cơ bản của các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Lý thuyết về cộng đồng là một trong những lý thuyết nền tảng để nghiên cứu các vấn đề văn hóa, xã hội.

1.1.1. Khái niệm cộng đồng xã hội

Lịch sử hình thành luận thuyết

Trên thế giới, phát triển văn hóa cộng đồng là một bộ phận nhỏ của phát triển cộng đồng. Đây là hoạt động có lịch sử lâu đời, song hành với các hoạt động đảm bảo và phát triển đời sống văn hóa, xã hội của một cộng đồng. Tuy nhiên phát triển văn hóa cộng đồng (một nội dung của phát triển cộng đồng) chỉ xuất hiện như một khái niệm lý thuyết và thực hành từ những năm 1940 tại các nước thuộc địa của Anh. Năm 1950 Liên Hợp Quốc đưa ra định nghĩa về Phát triển cộng đồng và triển khai nhiều dự án để thực hiện những công trình phúc lợi công cộng... Đến nay, hoạt động phát triển văn hóa cộng đồng trên thế giới rất đa dạng, chuyển biến dần từ tạo sự thay đổi về hình thức sáng tạo sự thay đổi về chất, tăng cường năng lực cho bản thân cộng đồng, nhất là những cộng đồng nghèo.

Ở Việt Nam, khái niệm phát triển văn hóa cộng đồng lần đầu tiên được giới thiệu từ giữa thập kỷ 50 của thế kỷ XX thông qua một số hoạt động phát triển cộng đồng tại các tỉnh phía Nam, trong lĩnh vực giáo dục. Từ thập kỷ 60 – 70 được đẩy mạnh thông qua các chương trình phát triển nông thôn, phong trào Phật giáo... Tuy nhiên, hoạt động này chưa được hệ thống hóa, chưa được triển khai đồng bộ và rộng khắp. Lĩnh vực xây dựng văn hóa cộng đồng cần có những tổng kết lý thuyết và thực tiễn để hoàn chỉnh nó. Quá trình này cần có những cách nhìn nhận từ nhiều cách tiếp cận khác nhau.

Cộng đồng là một khái niệm được sử dụng khá rộng rãi trên rất nhiều lĩnh vực như: văn học, sử học, xã hội học, văn hóa học,... Thuật ngữ cộng đồng được bắt nguồn từ tiếng Latin *Cummunitas* với nghĩa là toàn bộ tín đồ của một tôn giáo hay toàn bộ những người đi theo một thủ lĩnh nào đó. Ngày nay, thuật ngữ này được sử dụng phổ biến trong tất cả các ngôn ngữ. Tùy theo từng ngành nghiên cứu thì có những khái niệm cộng đồng khác nhau.

Do là đối tượng nghiên cứu của nhiều khoa học chuyên ngành khác nhau nên “cộng đồng” cũng được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau và cách thức định nghĩa về khái niệm này cũng không giống nhau. Trong sinh học và sinh thái học, “cộng đồng” là khái niệm dùng để chỉ một nhóm cá thể có các tổ chức hữu cơ tương tác với nhau cùng tồn tại trong một môi trường xác định. Trong lĩnh vực xã hội học, “cộng đồng” là một trong những thuật ngữ công cụ quan trọng đã được tiếp cận và định nghĩa theo nhiều cách khác nhau.

Từ điển bách khoa mở Wikipedia cho biết: đến giữa thập niên 50 của thế kỷ trước đã có tới 94 định nghĩa khác nhau về “cộng đồng” được nêu ra. Tuy tiếp cận và định nghĩa theo những cách khác nhau, nhưng nhìn chung giới nghiên cứu xã hội học phương Tây đều ghi nhận ảnh hưởng to lớn, có tính phương pháp luận của những luận điểm được nhà xã hội học người Đức Ferdinand Toennies nêu ra trong công trình “*Gemeinschaft und Gesellschaft*” (Cộng đồng và hiệp hội –Leipzig, 1887.) Theo Toennies, “cộng đồng” là một thực thể xã hội có độ gắn kết và bền vững hơn so với “hiệp hội” vì “cộng đồng” được đặc trưng bởi “sự đồng thuận về ý chí” của các thành viên của cộng đồng. Toennies cũng nhấn mạnh vai trò của ý chí cộng đồng. Theo ông, ý thức cộng đồng được hình thành trên cơ sở của việc mỗi thành viên của cộng đồng cảm nhận được rằng mình là một bộ phận của cộng đồng. Toennies chỉ ra rằng hình thái cộng đồng phổ biến và nhỏ nhất chính là gia đình, trong đó ba loại quan hệ cho thấy sự hình thành tình cảm và ý chí cộng đồng gia đình. Đó là: 1) mối quan hệ giữa cha mẹ và con; 2) mối quan hệ giữa vợ và chồng; và 3) mối quan hệ giữa các anh chị em. Theo Toennies thì mối quan hệ giữa các anh chị em ở cấp độ cao hơn, bởi đây là mối quan hệ ít tính bản năng hơn, chủ yếu được xây dựng

dựa trên ký ức và tương tác tình cảm hằng ngày. Tiếp cận theo hướng này, Toennies cho rằng có ba loại cộng đồng cơ bản là: 1) cộng đồng dựa trên quan hệ huyết thống (gia đình, họ tộc); 2) cộng đồng dựa trên quan hệ láng giềng (có chung một nơi cư trú); và 3) cộng đồng dựa trên sự gắn kết về tinh thần. Loại cộng đồng thứ ba được Toennies đánh giá là có tính nhân bản nhất vì nó ít tính bản năng nhất. Tương ứng với ba loại cộng đồng trên là ba không gian lịch sử (*historische raumlichkeiten*) điển hình, đó là ngôi nhà (của cộng đồng huyết thống), ngôi làng (của cộng đồng láng giềng) và nhà nước (của cộng đồng tinh thần)¹. Mặc dù sau này những luận điểm của Toennies đã bị không ít học giả phê phán, chỉ ra những khía cạnh bất cập, nhưng nhìn chung những gì ông nêu ra trong công trình này đều được thừa nhận như là những viên đá tảng đầu tiên của các lý thuyết xã hội học về “cộng đồng”. Cho đến nay, tuy tiếp cận và định nghĩa “cộng đồng” rất khác nhau, nhưng giới nghiên cứu xã hội học đều cho rằng cộng đồng trước hết là những nhóm xã hội của con người có những tương tác với nhau và cùng chia sẻ những cái chung nào đó, có thể là địa bàn cư trú, những giá trị chung, quy tắc ứng xử chung v.v... tạo nên sự gắn kết xã hội. Tiếp cận từ góc độ kinh tế học, “cộng đồng” được xem như một loại “vốn xã hội”. Tiêu biểu cho cách tiếp cận này là các luận điểm của Robert D. Putnam được trình bày trong công trình “Bowling alone: the Collapse and Revival of American Community” (2000). Theo ông, hai yếu tố đã tạo nên cộng đồng với tính cách là một nguồn vốn xã hội chính là tinh thần gắn kết và sự hình thành các mạng lưới xã hội, trong đó từng người cảm thấy yên tâm, an toàn khi họ ở trong cộng đồng, trong mạng lưới và do đó sẵn sàng đóng góp, hy sinh vì cộng đồng, bảo vệ lợi ích của cộng đồng trong môi trường cạnh tranh khốc liệt. Đây chính là những luận điểm gốc xây dựng nên cái gọi là “văn hóa tổ chức” hay “văn hóa công ty” hiện nay.

¹ Phạm Hồng Tung – *Cộng đồng: Khái niệm, cách tiếp cận và phân loại trong nghiên cứu* – Thông tin khoa học xã hội số 12, 2009.

Các nhà khảo cổ học cũng có cách tiếp cận riêng của mình đối với cộng đồng. Theo nghĩa chung nhất thì “cộng đồng” được các nhà khảo cổ học xem như là thuật ngữ chỉ các nhóm cư dân cổ đại khác nhau cư trú trên một địa bàn nào đó. Các nhà khảo cổ học cũng rất quan tâm đến các mối tương tác nội sinh của các cộng đồng dân cư này, chủ yếu được biểu hiện thông qua những tương đồng hay những chứng cứ của sự giao lưu văn hóa vật thể.

Các nhà sử học lại quan tâm chủ yếu đến các dạng thức cộng đồng người trong quá khứ, như làng bản, thành bang, nhà nước hay mandalas... trong đó các mối tương tác bên trong cộng đồng và giữa các cộng đồng được mô tả thông qua các sự kiện và quá trình lịch sử, như tổ chức sản xuất, quản lý nguồn nước, đề điều, hôn nhân, xây dựng các liên minh và chiến tranh,...

Các nhà triết học dường như lại chú trọng hơn đến các yếu tố tinh thần, tâm linh trong quan hệ cộng đồng. Ở đây, cộng đồng không chỉ còn giới hạn trong những địa vực hiện hữu như nơi cư trú, hình thức tổ chức xã hội... mà trọng số của sự cố kết lại rơi vào sự gắn kết, tương đồng về quan niệm về thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy. Các nhà khoa học chính trị hiện đại lại quan tâm đến cộng đồng như một hình thức tổ chức trong quá trình chính trị, bao gồm từ các nhóm lợi ích đến các chính đảng, các dạng công xã cho đến nhà nước - dân tộc. Từ nửa sau thế kỷ XX, trong giới nghiên cứu chính trị học, đặc biệt là văn hóa chính trị, xuất hiện thêm khái niệm về loại hình “cộng đồng tưởng tượng” (imagined community). Đây chính là cơ sở để Benedict Anderson phát triển thành lý thuyết mới về cộng đồng nói chung và quốc gia – dân tộc nói riêng, trong đó nhấn mạnh vai trò chia sẻ giữa các thành viên của cộng đồng về cách mà họ hình dung về cộng đồng nói chung và vai trò của họ với tính cách là một bộ phận hợp thành của cộng đồng ấy. Đây là một trong những thành tựu quan trọng nhất trong nghiên cứu về cộng đồng của giới khoa học xã hội ở nước ngoài.

Tuy nhiên, những kết quả nghiên cứu của các nhà tâm lý học về cộng đồng mới chính là những thành tựu có tầm ảnh hưởng sâu rộng nhất, xét cả trên phương diện học thuật và phương diện thực tiễn. Thành tựu nổi bật nhất của

môn tâm lý học cộng đồng là những nghiên cứu của D. W. McMillan và D. M. Chavis về ý thức cộng đồng (sense of community) công bố lần đầu tiên vào năm 1986. Theo hai ông, ý thức cộng đồng là yếu tố quan trọng nhất tạo nên sức bền cố kết nội tại của cộng đồng. Bốn yếu tố sau đây chính là cơ sở của ý thức cộng đồng: 1) tư cách thành viên; 2) ảnh hưởng ; 3) sự hội nhập và sự đáp ứng các yêu cầu và 4) sự gắn bó, chia sẻ tình cảm.

Ngày nay, khi nói đến cộng đồng người, người ta thường quy vào những "nhóm xã hội" có cùng một hay nhiều đặc điểm chung nào đó, nhấn mạnh đến đặc điểm chung của những thành viên trong cộng đồng.

Định nghĩa của Wikipedia: Một cộng đồng là một nhóm xã hội của các cơ thể sống chung trong cùng một môi trường thường là có cùng các mối quan tâm chung. Trong cộng đồng người đó là kế hoạch, niềm tin, các mối ưu tiên, nhu cầu, nguy cơ và một số điều kiện khác có thể có và cùng ảnh hưởng đến đặc trưng và sự thống nhất của các thành viên trong cộng đồng.

Theo quan điểm Mác-xít, cộng đồng là mối quan hệ qua lại giữa các cá nhân, được quyết định bởi sự cộng đồng hóa lợi ích giống nhau của các thành viên về các điều kiện tồn tại và hành động của những người hợp thành cộng đồng đó, bao gồm các hoạt động sản xuất vật chất và các hoạt động khác của họ, sự gắn gũi của các cá nhân về tư tưởng, tín ngưỡng, hệ giá trị chuẩn mực cũng như các quan niệm chủ quan của họ về các mục tiêu và phương tiện hoạt động.

Quan niệm về cộng đồng theo quan điểm Mác-xít là quan niệm rất rộng, có tính khái quát cao, mang đặc thù của kinh tế - chính trị. Dấu hiệu đặc trưng chung của nhóm người trong cộng đồng này chính là "điều kiện tồn tại và hoạt động", là "lợi ích" chung, là "tư tưởng", "tín ngưỡng", "giá trị" chung... Thực chất đó là cộng đồng mang tính giai cấp, ý thức hệ.

Xuất phát từ tiếng Latinh, "cộng đồng" - *communis* có nghĩa là *chung/cộng/cộng/được chia sẻ với mọi người hoặc nhiều người*. Những đặc điểm/dấu hiệu chung của cộng đồng này chính là đặc điểm để phân biệt nó với một cộng đồng khác.

Dấu hiệu/đặc điểm để phân biệt cộng đồng này với cộng đồng khác có thể là bất cứ cái gì thuộc về con người và xã hội loài người: màu da, đức tin, tôn giáo, lứa tuổi, ngôn ngữ, nhu cầu, sở thích, nghề nghiệp... nhưng cũng có thể là vị trí địa lý của khu vực (địa vực), nơi sinh sống của nhóm người đó như làng xã, quận huyện, quốc gia, châu lục... Những dấu hiệu này chính là những ranh giới để phân chia cộng đồng.

Về số lượng thành viên của cộng đồng có thể là vài chục, vài trăm, hoặc cũng có thể là vài triệu, thậm chí cả tỷ người.

Cộng đồng những người dân cùng sống chung trong một thôn/xóm/làng/xã một quốc gia có thể là toàn thể giới, tức họ cùng chia sẻ với nhau mảnh đất sinh sống gọi là *cộng đồng thể*. Có nhiều cộng đồng người khác, tuy không cùng sống chung một địa vực nhưng họ lại có chung những đặc điểm, sở thích, nhu cầu... thì được gọi là *cộng đồng tính*.

Trong đời sống xã hội, khái niệm cộng đồng được sử dụng một cách tương đối rộng rãi, để chỉ nhiều đối tượng có những đặc điểm tương đối khác nhau về quy mô, đặc tính xã hội. Rộng nhất là nói đến những khối tập hợp người, các liên minh rộng lớn như cộng đồng thế giới, cộng đồng châu Âu, cộng đồng các nước A rập, cộng đồng các nước ASEAN..., nhỏ hơn là các *kiểu, dạng xã hội*, được xác định bởi các đặc tính tương đồng về sắc tộc, chủng tộc hay tôn giáo... như cộng đồng người Do Thái, cộng đồng người da đen, cộng đồng người Thanh giáo; nhỏ hơn nữa, danh từ cộng đồng được sử dụng cho *các đơn vị xã hội cơ bản* là gia đình, làng, hay một *nhóm xã hội* có những đặc tính chung về văn hóa, lý tưởng xã hội, lứa tuổi, giới, nghề nghiệp, thân phận xã hội... (đảng phái, đẳng cấp, tầng lớp xã hội, hội họa sĩ, ca sĩ, hội thơ, hội lái xe, hội khiêm thị...).

Vì mỗi người cùng một lúc có nhiều đặc điểm nên một người có thể cùng một lúc thuộc nhiều cộng đồng khác nhau: tôi vừa là thành viên của cộng đồng phường xã, cộng đồng người Việt Nam, đồng thời là thành viên của cộng đồng da vàng, cộng đồng giáo chức, cộng đồng yêu chuộng hòa bình...

Tóm lại, trong đời sống xã hội, cộng đồng là danh từ chỉ một tập hợp người nhất định nào đó với hai dấu hiệu quan trọng: 1. họ cùng tương tác (tác động qua lại) với nhau; 2. họ cùng chia sẻ với nhau (có chung với nhau) một hoặc một vài đặc điểm vật chất hay tinh thần nào đó.

Dù tiếp cận từ những góc độ khác nhau, dựa trên những lý thuyết khoa học khác nhau nhưng tựu chung lại, có thể nhận biết cộng đồng thông qua những dấu hiệu cụ thể như:

- Cộng đồng phải là tập hợp của một số đông người;
- Mỗi cộng đồng phải có một bản sắc/bản thể riêng;
- Các thành viên của cộng đồng phải tự cảm thấy có sự gắn kết với cộng đồng và với các thành viên khác của cộng đồng.
- Có thể có nhiều yếu tố tạo nên bản sắc và sức bền gắn kết cộng đồng, nhưng quan trọng nhất chính là sự thống nhất về ý chí và chia sẻ về tình cảm, tạo nên ý thức cộng đồng.
- Mỗi cộng đồng đều có những tiêu chí bên ngoài để nhận biết về cộng đồng và có những quy tắc chế định hoạt động và ứng xử chung của cộng đồng.

Phân biệt Cộng đồng với Nhóm xã hội: Nhóm xã hội là một khái niệm xã hội học chỉ một tập hợp người liên kết với nhau bởi các dấu hiệu hình thức hoặc bản chất, được điều chỉnh bởi những thiết chế có những giá trị chung, và ít nhiều biệt lập với các tập hợp người khác. Nó nói lên những đặc trưng chung của các cộng đồng từ nhỏ đến lớn. Theo số lượng các thành viên và điều kiện tác động lẫn nhau trong nhóm, các nhóm xã hội được chia làm nhóm nhỏ và nhóm lớn. Nhóm lớn là nhóm người liên kết nhau bởi điều kiện khách quan chung, xác định sự tồn tại của họ một cách vững chắc như giai cấp, tầng lớp, dân tộc, đảng chính trị, nghề nghiệp, thể thao, thanh niên, các hiệp hội, vv. Nhóm nhỏ là nhóm người tồn tại trong khoảng không gian và thời gian chung, được liên kết bởi các quan hệ thực tế của các thành viên của nhóm, thực hiện trên cơ sở giao tiếp như các đội sản xuất, lớp học, gia đình, nhóm bạn bè. Những đội sản xuất trong nhà máy có tổ chức, có quy tắc hoạt động rõ ràng là những nhóm chính thức. Còn những nhóm bạn bè, vui chơi là những nhóm không chính thức. Những nhóm

này không nhất thiết trùng với nhóm chính thức, quan hệ của các thành viên ở đây xoay quanh một trung tâm khác. Nhóm nhỏ phổ biến hơn cả là nhóm khuếch tán, nghĩa là các thành viên của nhóm tham gia vào các quan hệ không phải là nội dung của hoạt động nhóm, mà là sự phù hợp hay không phù hợp giữa các cá nhân; hội liên hiệp là thành viên của nhóm tham gia các mối quan hệ chỉ thể hiện các mục đích có ý nghĩa đối với cá nhân; nghiệp đoàn là thành viên của nhóm tham gia các quan hệ có ý nghĩa đối với cá nhân, nhưng mang nội dung liên hiệp trong hoạt động nhóm; tập thể là thành viên của nhóm tham gia các quan hệ có ý nghĩa đối với cá nhân và có giá trị đối với xã hội trong hoạt động nhóm.

Trên cơ sở những nội hàm như trên, có thể đi đến một định nghĩa chung nhất như sau về “cộng đồng”: *“Cộng đồng là tập hợp người có sức bền có kết nối nội tại cao, với những tiêu chí nhận biết và quy tắc hoạt động, ứng xử chung dựa trên sự đồng thuận về ý chí, tình cảm, niềm tin và ý thức cộng đồng, nhờ đó các thành viên của cộng đồng cảm thấy có sự gắn kết họ với cộng đồng và với các thành viên khác của cộng đồng”*.

1.1.2. Các loại hình cộng đồng xã hội

Tùy theo mục đích khác nhau người ta phân loại cộng đồng theo những dấu hiệu khác nhau. Một số cách phân loại cộng đồng phổ biến:

- Phân loại cộng đồng theo tính chất: Cộng đồng tính và cộng đồng thể

Cộng đồng những người dân cùng sống chung trong một thôn/xóm/làng/xã một quốc gia có thể là toàn thể giới, tức họ cùng chia sẻ với nhau mảnh đất sinh sống gọi là cộng đồng thể. Có nhiều cộng đồng người khác, tuy không cùng sống chung một địa vực nhưng họ lại có chung những đặc điểm, sở thích, nhu cầu... thì được gọi là cộng đồng tính.

- Phân loại cộng đồng theo đặc điểm về kinh tế, xã hội: Cộng đồng nông thôn và cộng đồng thành thị.

Cộng đồng nông thôn	Cộng đồng thành thị
Sự thân thiện và quan hệ trao đổi thân thuộc hàng ngày	Mối quan hệ bình thường giữa các cá nhân có tính chất giao kèo

Quan hệ ruột thịt mạnh mẽ theo hình thức phả hệ gia đình.	Quan hệ tồn tại theo các hội đoàn có chủ đích.
Sự tự phát, cùng giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẻ niềm vui và nỗi buồn	Sự ràng buộc xã hội theo hướng mục tiêu cụ thể
Sự thống nhất cao theo các luật tục, ý tưởng và mong đợi của nhóm	Thống nhất theo phân chia lao động, chuyên môn hóa theo chức năng và sự phụ thuộc lẫn nhau
Sự thống nhất dựa trên cơ sở sự giống nhau về đặc điểm	Sự thống nhất đạt được dựa trên cơ sở phụ thuộc mục tiêu do chuyên môn hóa.

- *Phân loại theo địa vực, hành chính*: thôn xóm, làng bản, khu dân cư, phường xã, quận huyện, thị xã, thành phố, khu vực, châu thổ, địa cầu...

- *Mối quan tâm và quan điểm*: Ví dụ: Nhóm sở thích trong một dự án phát triển.

- *Môi trường, nhân văn*. Ví dụ: Cộng đồng đồng bào dân tộc Vân Kiều tại huyện Hướng Hóa, và các đặc điểm khác như tổ chức, vùng địa lý hoặc các khía cạnh về tâm lý...

- *Phân loại theo tôn giáo*: cộng đồng Phật tử, cộng đồng Thiên Chúa giáo...

- *Phân loại theo kinh tế*: cộng đồng ASEAN, cộng đồng Eu, Hiệp hội doanh nghiệp, Hiệp hội than...

- *Phân loại theo chính trị, quân sự*: Hội Phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn Thanh niên, cộng đồng NATO...

- *Phân loại cộng đồng theo nhóm huyết tộc*: gia đình, dòng họ...

- *Phân loại cộng đồng tương trợ*: cộng đồng người khuyết tật, người đồng tính, hội người cao tuổi, cộng đồng phụ nữ bị bạo hành, hội đồng hương...

- *Phân loại theo trình độ phát triển*: có cộng đồng kém phát triển và cộng đồng phát triển

1.1.3. Mối quan hệ giữa cộng đồng với cá nhân và xã hội

Cộng đồng và cá nhân:

Khi xem xét cộng đồng không thể không kể đến cá nhân. Cá nhân và cộng đồng là hai mặt của một vấn đề: không có cá nhân thì không có cộng đồng và ngược lại, không có cộng đồng thì không thể có cá nhân đúng bản chất của nó. Vì vậy, mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng là mối quan hệ tất yếu, không thể thiếu, bởi lẽ, mỗi cá nhân đều thuộc một cộng đồng nhất định nào đó và mỗi cá nhân đều mang dấu ấn cộng đồng nào đó của mình.

Cá nhân và cộng đồng là hai mặt của một vấn đề: không có cá nhân thì không thể có cộng đồng và ngược lại, không có cộng đồng thì không có những cá nhân đúng với bản chất của nó.

Trong phát triển cộng đồng, người ta nghiên cứu, đề cập đến cá nhân ở hai khía cạnh:

- Cá nhân trong cộng đồng chính là thành viên của cộng đồng, chỉ thông qua sự tương tác của cá nhân trong cộng đồng mới tạo ra cộng đồng. Sự tương tác đó không chỉ tạo ra ý thức cộng đồng trong mỗi cá nhân mà trong quá trình tương tác đó, những hành vi tốt, được cộng đồng khuyến khích, tích lũy qua thời gian trở thành phong tục, tập quán của cộng đồng, góp phần làm nên truyền thống văn hóa của cộng đồng đó. Ở đây, người ta cũng nghiên cứu vai trò của một số cá nhân, trong quá trình tương tác với các thành viên khác trong cộng đồng, bằng cộng đồng, đã xuất hiện những năng lực đoàn kết cộng đồng, dẫn dắt cộng đồng, thuyết phục cộng đồng, đó là vai trò lãnh đạo cộng đồng của một số cá nhân.

- Trong phát triển cộng đồng, khi nói tới "vấn đề" của cộng đồng, ta không chỉ đề cập đến "vấn đề" của một tổ chức/cơ quan/một "thực thể" sống một cách tổng thể mà trong nhiều trường hợp ta đề cập đến vấn đề của một số lớn những cá nhân/thành viên cộng đồng.

Vai trò của cộng đồng đối với mỗi cá nhân

- + Cộng đồng là đơn vị xã hội gần gũi nhất của con người. Cộng đồng để lại "dấu ấn" của mình trong mỗi thành viên của nó: ngoài gia đình ra, con người cần có môi trường xã hội để giao tiếp, tiếp nhận kiến thức, kinh nghiệm và áp dụng nó trong đời sống xã hội.

+ Cộng đồng là nơi mà mỗi con người, mỗi công dân thể hiện mình như một cá thể và như một thành viên xã hội: mỗi người là một thành viên của một hoặc nhiều tổ chức nào đó trong cộng đồng: tôi là hội viên hội phụ nữ, hội viên hội nông dân, xã viên hợp tác xã. Với các tổ chức đó, tôi có quyền ứng cử, bầu cử vào các cấp lãnh đạo, tham gia ý kiến, biểu quyết một vấn đề gì đó. Tôi được tham gia vào những hoạt động cộng đồng, được đóng góp khả năng của mình cho sự phát triển chung của cộng đồng mà không bị coi rẻ, bị phân biệt, bị lãng quên. Thông qua hoạt động, tương tác trong cộng đồng mà mỗi cá thể hình thành và phát triển năng lực, tính cách, đạo đức như một người công dân.

+ Cộng đồng là nơi nuôi dưỡng ước mơ, hy vọng, là nơi thực hiện ước mơ, hy vọng đó, đồng thời cộng đồng là nơi đáp ứng những nhu cầu, mong muốn của con người: Ước mơ, mong muốn, nhu cầu xuất hiện ở mỗi người trong quá trình người đó tương tác với tự nhiên, với xã hội, với chính cuộc sống của mình. Cộng đồng là môi trường làm nảy sinh những mong muốn, nhu cầu đó, vì sự tương tác với xã hội cũng như với tự nhiên, với công việc diễn ra hàng ngày tại cộng đồng. Cộng đồng nâng đỡ và hiện thực hóa những ước mơ, nhu cầu đó tùy vào tính tích cực và năng lực thực tế của mỗi người. Với những người có khó khăn, cộng đồng tạo điều kiện không chỉ bằng tinh thần mà cả bằng vật chất. VD: quỹ khuyến học, quỹ vì người nghèo...

+ Cộng đồng là nơi che chở, bảo vệ thành viên của nó khỏi những tệ nạn xã hội và là nơi con người luôn được tha thứ, được đón nhận trở lại mỗi khi người nào đó lầm đường lạc lối.

Cộng đồng và xã hội

✓ Ở khía cạnh kinh tế: cộng đồng là đơn vị kinh tế tổng hợp, kinh tế cộng đồng đóng góp chung vào nền kinh tế xã hội, đồng thời cộng đồng là nơi tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ,... vì vậy nó là động lực để kích thích sản xuất phát triển.

✓ Văn hóa – xã hội: mỗi cộng đồng mang một bản sắc riêng, những đặc thù riêng không lặp lại ở những cộng đồng khác, chính sự khác biệt đó tạo nên sự đa dạng trong văn hóa cho xã hội.

✓ Ở lĩnh vực hành chính nhà nước: cộng đồng là một đơn vị hành chính cung cấp các dịch vụ công cho nhân dân, bảo vệ trật tự, trị an đồng thời là đơn vị cung cấp nhân lực, nguồn lực đảm bảo an ninh quốc gia.

1.2. Cộng đồng văn hóa

1.2.1. Khái niệm

Cộng đồng văn hóa là thuật ngữ chỉ nhóm người có chung những giá trị và đặc trưng về văn hoá, có tính lịch sử, truyền thống. Khi nói tới cộng đồng văn hóa là nói tới nội hàm này mang tính khoa học về sắc thái, bản sắc văn hoá truyền thống của tộc người, địa phương, vùng miền.

Cộng đồng văn hóa (Communities of Culture): bao gồm các loại phe phái, tiểu văn hóa, nhóm tộc người, các cộng đồng tôn giáo, cộng đồng đa văn hóa hay các nền văn minh đa nguyên cho tới thậm chí là cộng đồng văn hóa toàn cầu. Loại cộng đồng này còn có thể bao gồm cả những cộng đồng về nhu cầu hay về bản sắc, như cộng đồng người khuyết tật hay cộng đồng người cao tuổi v.v...

Tiêu chí chung của loại cộng đồng này là ở chỗ các thành viên của cộng đồng có chung một bản sắc hay những đặc trưng văn hóa nào đó và dù có thể có hoặc không có địa bàn quần cư chung nhưng họ vẫn thường xuyên có những tương tác nào đó và cùng dễ dàng nhận biết về nhau.

1.2.2. Các đặc trưng cơ bản của cộng đồng văn hóa

- Chung nhau những giá trị văn hoá cơ bản (có thể được tạo dựng trên cơ sở chung nhau về địa vực sinh sống, nền tảng kinh tế và quá trình lịch sử). Những giá trị văn hóa chung của cộng đồng văn hóa bao gồm: đặc trưng tộc người (tộc người chủ thể của cộng đồng trong mối quan hệ với tộc người thiểu số); tôn giáo tín ngưỡng (củng cố sự cố kết cộng đồng bằng niềm tin); hệ giá trị và chuẩn mực chung.

- Cấp độ phân tầng về mẫu số chung về giá trị văn hoá mà chia ra các nhóm cộng đồng: Mẹ - Nhánh - Hạt nhân - Nhóm nhỏ khác...

- Sự chi phối của văn hoá cộng đồng như một hệ giá trị mà các thành viên phải tuân thủ. Các giá trị và chuẩn mực văn hóa chung của cộng đồng là

các định chế xã hội quy định nhận thức và hành vi của các thành viên trong cộng đồng. Sự chi phối của văn hóa cộng đồng bao gồm:

Quan hệ trong: là quan hệ nội bộ gồm các chi phối, tác động của văn hóa cộng đồng chi phối đối với mỗi cá thể, nhóm trong cộng đồng thông qua hoạt động của cộng đồng văn hóa. Mỗi quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng này tạo nên ý thức cộng đồng trong mỗi cá nhân. Những hành vi tốt, được cộng đồng khuyến khích, tích lũy qua thời gian tạo thành những phong tục tập quán của cộng đồng, góp phần tạo nên truyền thống văn hóa của dân tộc đó. Sự tương tác trong này còn thể hiện ở vai trò của một số cá nhân, trong quá trình tương tác với các thành viên khác trong cộng đồng đã xuất hiện những cá nhân có năng lực đoàn kết cộng đồng, dẫn dắt cộng đồng, thuyết phục cộng đồng, và họ đóng vai trò như những người lãnh đạo trong cộng đồng đó.

Quan hệ ngoài: là sự tương tác giữa cộng đồng này với cộng đồng khác trong sự chia sẻ các quyền lợi, tư tưởng, văn hóa, lãnh thổ. Vì có sự liên hệ của các cộng đồng văn hóa với nhau mà nảy sinh quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa. Các cộng đồng văn hóa có thể tiếp thu, trao đổi một số giá trị văn hóa nhất định, đặc biệt là các giá trị văn hóa hướng đến Chân, Thiện, Mỹ. Đồng thời giữa các cộng đồng văn hóa cũng có sự va chạm dẫn đến xung đột.

1.2.3. Các loại hình cộng đồng văn hóa.

Bởi văn hóa là một khái niệm có nội hàm khá rộng rãi nên các loại hình cộng đồng văn hóa cũng rất phong phú và đa dạng. Hầu hết các loại hình cộng đồng xã hội từ các kiểu dạng xã hội đến các đơn vị xã hội theo cấp độ, quy mô đều kéo theo nó các kiểu loại hình cộng đồng văn hóa.

- *Về quy mô, cấp độ:* cộng đồng văn hóa có thể có quy mô nhỏ như gia đình, làng, bản, thôn xóm hay rộng hơn là quốc gia, khu vực, thậm chí là cộng đồng văn hóa toàn cầu. Các cộng đồng văn hóa này thường gắn liền với một địa vực cụ thể (nhà, làng, bản, thôn xóm, quốc gia, khu vực, hành tinh...)

- *Về loại hình:* Cộng đồng văn hóa gắn với các kiểu dạng xã hội. Mỗi kiểu dạng tương ứng với nó là các kiểu dạng cộng đồng văn hóa. Theo đó chúng

ta có cộng đồng tôn giáo, cộng đồng tộc văn hóa tộc người, cộng đồng văn hóa nghề nghiệp (giáo viên, doanh nhân, thương gia...), cộng đồng văn hóa kinh tế.

- *Xét trên góc độ văn hóa có thể phân chia cộng đồng thành hai nhóm chính:*

+ *Nhóm cộng đồng văn hóa truyền thống*

Cộng đồng văn hóa quốc gia, dân tộc: Đặc trưng văn hóa cộng đồng của mỗi quốc gia là đặc trưng văn hóa của các dân tộc sống trong cộng đồng quốc gia đó.

Cộng đồng văn hóa vùng miền, địa phương: Gắn với đặc điểm văn hoá địa phương có những sắc thái riêng (cộng đồng dân cư Bắc - Trung - Nam, đô thị, nông thôn, đồng bằng, miền núi, miền biển).

Cộng đồng văn hóa hạt nhân (làng, bản, xã phường...): Gắn với nhóm cư dân trên một địa bàn cụ thể, chung đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hoá.

Cộng đồng tộc người: các sắc tộc trong quốc gia.

+ *Nhóm cộng đồng văn hóa phái sinh*

Cộng đồng văn hóa kinh tế

Cộng đồng văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng

Cộng đồng văn hóa nghề nghiệp

Cộng đồng văn hóa khác

Mỗi loại hình cộng đồng văn hóa có những đặc điểm riêng về:

- Cấp độ: là cộng đồng mẹ, cộng đồng nhánh, cộng đồng hạt nhân, nhóm nhỏ khác...

- Quy mô, diện tích, địa giới;

- Vị thế chính trị, kinh tế, xã hội).

1.2.4. Các yếu tố cấu thành cộng đồng văn hóa.

Yếu tố địa vực: Nói đến cộng đồng là nói đến một tập thể người định cư trên một vùng đất đai. Tuy có những kiểu cộng đồng ít gắn chặt với yếu tố địa vực, nhưng đa phần các cộng đồng thường gắn trước thết với yếu tố này. Cương vực và lãnh thổ là điểm đầu tiên khu biệt một cộng đồng. Theo nghĩa xã hội thông thường thì cộng đồng nhất thiết là phải gắn chặt với yếu tố đất đai, nghĩa

là những con người sinh sống thường xuyên trên một khu vực nhất định, có ý thức mình thuộc về cả đoàn thể lẫn địa phương và hoạt động cùng nhau trong mọi công việc của đời sống. Cộng đồng luôn luôn được xét trong tương quan với một khung cảnh có tính chất như vậy.

Trong rất nhiều định nghĩa về cộng đồng, yếu tố địa vực được nhắc đến như là *yếu tố đầu tiên và quan trọng bậc nhất*. *Ranh giới được xác lập trong quá trình lịch sử* là một cơ sở để ta phân biệt cộng đồng này với cộng đồng khác. *Ranh giới hành chính* là một cơ sở khác để ta phân biệt nhưng trong thực tiễn giá trị của nó thường không cao do những biến động về tổ chức hành chính Nhà nước và cả ý nghĩa thực của nó trong đời sống cộng đồng. Đường phân chia ranh giới thường lấy một số mốc của tự nhiên như sông, núi, đường xá... cũng có khi là các đường phân ranh vô hình được các cộng đồng thỏa thuận và chấp hành trong thực tiễn.

Sự sở hữu chung một lãnh thổ nào đó có giá trị của một tài sản vô hình. Các chữ “người làng”, “cùng xứ”, “đồng hương”... trong thực tiễn là chỉ một quan niệm được xác định về người cùng sống trên một mảnh đất nào đó, đã chia sẻ những sản phẩm được nuôi trồng từ cùng một vùng đất, trên nó là hệ sinh thái với núi, sông, cây cỏ, khí hậu nào đó... ***Ý thức về cương vực*** là một trong những ý thức sâu sắc và lâu bền nhất của con người trong lịch sử, là hạt nhân tạo nên tâm thức chung của cộng đồng.

Trong thực tế, chúng ta còn có một cách phân xuất lãnh thổ theo nông thôn và đô thị. Thực ra cách phân xuất này không chính xác về mặt địa lý. Nông thôn hay đô thị là hai kiểu xã hội hoàn toàn không chỉ có yếu tố địa lý, đó là một cơ cấu xã hội có những đặc điểm xã hội “đối lập” nhau về cách thức tổ chức xã hội, nhưng khi là một thực thể nó lại có ý nghĩa về mặt cương vực. Ý thức về cương vực của các cư dân ở đô thị không đậm bằng các cư dân nông thôn, đó là do quá trình sinh sống của cư dân nông thôn thường lâu đời hơn, có khi qua nhiều đời nên sự gắn bó với vùng cư trú là một tình cảm tự nhiên. Cộng thêm các hoạt động nghề nghiệp thường xuất phát từ điều kiện tự nhiên nơi cư trú,

còn ở đô thị, sự gián cách này là lớn hơn. Các ngành nghề phi nông nghiệp không tạo cho các cư dân tâm lý gắn chặt với địa vực cư trú.

.Yếu tố kinh tế (hay yếu tố nghề nghiệp): yếu tố này chủ yếu được nhận định dưới góc độ các hoạt động kinh tế hay nghề nghiệp, yếu tố kinh tế này không chỉ tạo ra cho cộng đồng sự đảm bảo về vật chất để cùng tồn tại mà còn có ý nghĩa đó là: việc cộng đồng có chung một hay một vài nghề nghiệp chính sẽ liên quan đến sự tương đồng về yếu tố địa vị kinh tế, sở hữu, cách thức làm ăn, thị trường nguyên vật liệu, sản phẩm tiêu thụ chung,... vì vậy đã tạo cho cộng đồng có một lớp vỏ liên kết về tinh thần. Khi có chung nghề nghiệp thì lợi ích kinh tế được gắn chặt trong hệ thống sản xuất, vốn, sức lao động,... chính các yếu tố này gắn chặt các thành viên trong cộng đồng với nhau. Yếu tố nghề nghiệp ở nông thôn đã biểu hiện sự gắn kết cộng đồng rõ rệt hơn thành thị. Ở thành thị sự gắn kết theo nghề nghiệp là không chặt chẽ vì nghề nghiệp đa dạng, sự chuyển nghề cũng dễ dàng, do đó sự liên kết hầu như chỉ xảy ra ở các nhóm có cùng công việc.

.Yếu tố văn hóa – xã hội: yếu tố này gồm 3 nhóm yếu tố đó là tộc người, tôn giáo- tín ngưỡng và hệ giá trị chuẩn mực

✓ *Tộc người:* Gồm tộc người chủ thể trong một quốc gia và các tộc người thiểu số. Nhóm tộc người chủ thể không chỉ đóng vai trò liên kết trong tộc người đó mà còn phải thể hiện vai trò liên kết các tộc người thiểu số khác với nhau và với chính họ, để đến khi hình thành Nhà nước, một quốc gia của các nhóm tộc người ra đời.

Nhóm tộc người chủ thể có vai trò “kép” trong việc cố kết cộng đồng, một cho nhóm cộng đồng tộc người của bản thân nó, một cho cộng đồng quốc gia. Trong vai trò ở bình diện quốc gia, hệ tư tưởng, ý thức hệ, các giá trị và chuẩn mực, các nghi lễ, tóm lại là văn hóa của tộc người chủ thể được *khuôn mẫu hóa* trong toàn quốc. Các tộc người thiểu số một mặt phải “chấp nhận” một số, mặt khác lại có quá trình “chống đối” chúng nhân danh bản sắc văn hóa và sự đa dạng văn hóa. Trong lịch sử đã diễn ra cả hai quá trình này, tùy vào những

thời điểm lịch sử và khu vực mà có lúc, có nơi hoặc là tìm ra được tiếng nói chung, hoặc là “cản trở” nhau.

Tuy nhiên, các cộng đồng tộc người thiểu số với bản sắc văn hóa ít bị biến đổi bởi các yếu tố bên ngoài, tương đối tách biệt về vị trí địa lý, chậm phát triển về mặt kinh tế, xã hội... đang được chú ý nghiên cứu, nhất là ở khía cạnh văn hóa tộc người đã đóng góp tích cực vào quá trình hình thành và củng cố kết cộng đồng.

✓ *Tín ngưỡng tôn giáo:* Đây là yếu tố củng cố sự liên kết cộng đồng dựa trên cơ sở niềm tin. Thực tế lịch sử cho thấy, đây là một yếu tố có tính chất bền vững cho sự tồn tại của các cộng đồng dân cư, bởi vì, khi có chung một niềm tin và tín ngưỡng thì con người dễ chia sẻ những ước nguyện về mặt tinh thần với nhau.

Các tổ chức tôn giáo cũng là các tổ chức xã hội tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, các hoạt động xây dựng đạo lý hướng thiện, tu thân của nhiều tôn giáo và đã góp phần vào nhiều hoạt động xã hội của cộng đồng bằng các thái độ tự nguyện, dấn thân và không vụ lợi. Các hoạt động xã hội của các tổ chức tôn giáo được thiết lập trên cơ sở của tín ngưỡng, góp phần củng cố sự liên kết và đoàn kết trong cộng đồng.

✓ *Hệ giá trị chuẩn mực:* Mỗi cộng đồng xác định cho mình một hệ giá trị chuẩn mực riêng với tính chất là các định chế xã hội quy định các nhận thức và hành vi của các thành viên trong cộng đồng (luật bất thành văn). Cụ thể, quy định các thành viên trong cộng đồng phải làm gì, làm như thế nào, các quy chế khen thưởng, xử phạt ra sao.

Khi các thành viên tuân theo các giá trị chuẩn mực của cộng đồng thì sẽ đảm bảo sự thống nhất và đoàn kết trong cộng đồng.

Hệ giá trị chuẩn mực của cộng đồng được xây dựng dựa trên cơ sở nhận thức, quan niệm và tập quán của từng cộng đồng, vì vậy, có những quan niệm cộng đồng này được tuân theo nhưng ở cộng đồng khác lại thấy không thể chấp nhận được.

1.2.5. Sự phát triển và tiêu vong của các cộng đồng văn hóa

- Phát triển là khái niệm dùng để khái quát những vận động theo chiều hướng tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Cái mới ra đời thay thế cái cũ, cái tiến bộ ra đời thay thế cái lạc hậu.

Phát triển còn là quá trình tạo ra cái mới hoặc hoàn thiện, làm thay đổi về căn bản cái đã có để có cái tốt hơn, tiến bộ hơn. Cái mới, cái được hoàn thiện có thể có hai khía cạnh chính: Phát triển về số lượng và phát triển về chất lượng.

- Tiêu vong là quá trình bị mất hẳn, tiêu tan đi sau một quá trình suy tàn dần.

Trên thế giới đã ghi nhận nhiều trường hợp tiêu vong như: Chế độ nguyên thủy tiêu vong nhường chỗ cho chế độ chiếm hữu nô lệ hoặc phương thức sản xuất châu Á...

Ngày nay, sự tiêu vong của cộng đồng chúng ta hiểu đó không phải là sự mất đi vĩnh viễn mà nó là sự chuyển hóa từ cộng đồng này sang cộng đồng khác.

1.3. Văn hóa cộng đồng

1.3.1. Khái niệm

Văn hóa cộng đồng thuật ngữ chỉ nội hàm văn hoá của một nhóm các thực thể xã hội có chung mục đích, nội dung văn hoá đang có. Nội hàm này thường được hiểu như một mục tiêu xây dựng văn hoá đương đại gắn với mỗi nhóm cộng đồng hiện có theo mục tiêu xây dựng đời sống văn hoá cơ sở của Việt Nam hiện nay.

Cũng có khái niệm khác cho rằng “*văn hóa cộng đồng là văn hóa ứng xử của cộng đồng, tức là phương thức và nguyên tắc ứng xử của một cộng đồng trong những môi trường, không gian và thời gian xác định*”¹.

1.3.2. Các đặc trưng cơ bản của văn hóa cộng đồng

Mỗi một cộng đồng đều có đặc trưng văn hóa riêng, xuất phát từ những yếu tố đơn lẻ hợp thành văn hóa chung của cộng đồng, vì vậy văn hóa cộng đồng rất đa dạng, nó phụ thuộc vào *khát vọng hưởng thụ văn hóa* của các thành

¹ Phạm Hồng Tung – *Bàn về văn hóa cộng đồng* – Tạp chí Khoa học DDHQGHN, Khoa học xã hội và nhân văn 26 (2010).

viên, môi trường văn hóa và các quan hệ văn hóa. Mỗi yếu tố này ở các cộng đồng khác nhau sẽ mang những sắc thái khác nhau tạo nên đặc trưng văn hóa riêng của mỗi cộng đồng.

1.3.3. Các bộ phận chủ yếu của văn hóa cộng đồng.

Yếu tố truyền thống và hiện đại trộn lẫn, đan xem và chia chẻ. Sự chi phối và chia sẻ này đôi khi mang tính đối trọng, hoặc tạo nên giá trị mới, hoặc bài trừ lẫn nhau. Do nhiều lý do, trong các nhóm cộng đồng văn hóa tồn tại các giá trị đối kháng về giá trị hiện tại nhưng không đối kháng về các giá trị tương lai. Tất cả đều hướng tới các giá trị thúc đẩy cộng đồng phát triển theo hướng đi lên, những gì không phù hợp tất yếu bị bài trừ để dành chỗ cho những giá trị tiên tiến phát triển. Tiêu chí của những giá trị tiên tiến này có rất nhiều, trong đó quan trọng nhất là phải đảm bảo xu hướng phát triển các giá trị văn hóa chung của nhóm để tạo thành kết cấu nhóm bền vững.

Mọi giá trị văn hóa cộng đồng đều bắt nguồn từ quyền lợi kinh tế, chính trị của nhóm. Văn hóa chỉ là biểu hiện, là công cụ chuyển tải. Những trường hợp đặc biệt là tôn giáo cũng mang quyền lợi chính trị. Do vậy, phát triển kinh tế, chính trị chính là phát triển văn hóa cộng đồng, từ đó quay lại củng cố quyền lợi kinh tế, chính trị của chính cộng đồng đó.

Văn hóa là văn hóa của một cộng đồng hay một nhóm người trong xã hội chứ không phải chỉ cả một cá nhân, tuy những đặc trưng văn hóa của mỗi nhóm, mỗi tập thể hay của mỗi cộng đồng đều được biểu hiện và sẽ luôn tồn tại trong nhân cách và hành vi của cá nhân nhưng những biểu hiện ấy không thể thể hiện rõ đầy đủ những đặc trưng cũng như bản sắc văn hóa của toàn thể cộng đồng, vì vậy trong nghiên cứu văn hóa cộng đồng bên cạnh việc chú trọng nghiên cứu những hình thái biểu hiện của cộng đồng như phong cách, lối sống, hệ thống giá trị, chuẩn mực thì còn phải nghiên cứu các dạng thức của văn hóa ứng xử cộng đồng.

1.4. Mối quan hệ giữa cộng đồng văn hóa, cộng đồng xã hội và văn hóa cộng đồng.

Trong công ước bảo vệ đa dạng văn hóa năm 2003, UNESCO đã khẳng định vai trò quan trọng của cộng đồng trong việc bảo tồn di sản văn hóa: “không có văn hóa nếu không có người dân và cộng đồng”. Đồng thời, UNESCO cũng đánh giá cao sự tham gia tích cực và những tri thức sâu sắc về di sản của người dân trong việc thực hành, truyền dạy và bảo vệ di sản văn hóa, coi đó là nguồn lực quan trọng nhất có tính quyết định trong sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa.

Chủ thể văn hóa là các cá nhân – thành viên và cộng đồng/nhóm các cá nhân cùng một lúc thực hiện nhiều chức năng khác nhau:

- Chủ thể sáng tạo văn hóa / các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể;
- Chủ sở hữu đối với di sản văn hóa của cộng đồng;
- Người nắm giữ, thực hành, trình diễn, truyền dạy di sản văn hóa/tri thức bản địa về di sản văn hóa, bí quyết nghề nghiệp;
- Người thụ hưởng các giá trị văn hóa do mình sáng tạo ra hoặc thông qua giao lưu văn hóa với cộng đồng khác;
- Nguồn lực quan trọng có vai trò to lớn trong hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của cộng đồng và của quốc gia, dân tộc.

Văn hóa cộng đồng là những giá trị tiến bộ trong lối sống, đạo đức, hành vi ứng xử,... trong đời sống hằng ngày của mỗi cá nhân. Để xây dựng văn hóa cộng đồng, đòi hỏi cần có những tiêu chí, chuẩn mực cho các thành viên trong cộng đồng tự nguyện noi theo và gắn bó các giá trị văn hóa dân tộc.

Cộng đồng văn hóa là một bộ phận của tổng thể cộng đồng xã hội. Cộng đồng có thể là xóm làng, tổ dân phố, đơn vị công tác, cơ quan, nhà máy, xí nghiệp, công nông trường, đơn vị công an, bộ đội... Cộng đồng là nơi diễn ra mọi hoạt động của đời sống con người hằng ngày, hằng giờ một cách rất phong phú, đa dạng và phức tạp trên mọi lĩnh vực và do những thành viên của cộng đồng qua các thế hệ gom góp, xây dựng nên trong quá trình lao động, sản xuất, chiến đấu, xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước. Nhìn một cách tổng thể hơn, văn hóa cộng đồng là nền tảng của văn hóa dân tộc, là cơ sở hình thành những sắc màu đa dạng và bản chất tinh khôi, bền vững của văn hóa dân tộc. Chính văn hóa cộng đồng đã rèn luyện nên phẩm chất, nhân cách, lối sống, thói

quen của mỗi thành viên bằng những truyền thống, những quy ước, hương ước chặt chẽ, văn minh tiến bộ của cộng đồng.

Văn hóa cộng đồng không chỉ có giá trị tinh thần mà còn là động lực thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng; là chất kết dính những thành viên, tạo nên sức mạnh vật chất, tinh thần của cộng đồng.

Khi nói tới Cộng đồng xã hội và cộng đồng văn hóa là nói tới nội hàm được sử dụng như những danh từ làm chủ, còn Văn hóa cộng đồng là nói tới yếu tố tính chất văn hóa của cộng đồng.

Cộng đồng xã hội có thể coi là một tập hợp lớn chứa đựng cộng đồng văn hóa và văn hóa cộng đồng bởi lẽ cộng đồng xã hội bao hàm trong nó nhiều yếu tố, nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống xã hội, còn cộng đồng văn hóa chỉ mang trong nó yếu tố về mặt văn hóa. Tuy vậy, xét trên góc độ khác thì văn hóa cộng đồng lại là mẫu số chung cho cả cộng đồng xã hội và cộng đồng văn hóa, vì văn hóa cộng đồng lại góp mặt trong tất cả các hoạt động của hai cộng đồng trên.

Văn hóa cộng đồng chính là nơi tụ tập của số đông người nhằm mục đích giao lưu, truyền bá, trao đổi văn hóa, tư tưởng. Văn hóa cộng đồng không phân biệt bạn là thành viên của cộng đồng nào mà chỉ quan tâm tới việc bạn có cùng chung những hệ giá trị không mà thôi. Văn hóa cộng đồng là yếu tố mà tất cả các cộng đồng đều có do đó văn hóa cộng đồng là yếu tố không thể tiêu vong.

Cộng đồng văn hóa và văn hóa cộng đồng có những lúc đan xen nhau, nên khó có thể phân biệt được rõ ràng. Ví dụ điển hình đó là Nhà thờ vào các dịp lễ quan trọng đối với những người Công giáo như Noen, thì đây là nơi không chỉ là nơi để cho cộng đồng theo đạo Thiên chúa giáo tới để cầu nguyện, mà nó còn là nơi vui chơi cho các thành viên trong cộng đồng khác, vì vậy có thể coi nhà thờ vừa là một cộng đồng văn hóa vừa là nơi thể hiện của văn hóa cộng đồng..

Văn hóa cộng đồng là những giá trị tiến bộ trong lối sống, đạo đức, hành vi ứng xử, v.v trong đời sống hằng ngày của mỗi cá nhân. Để xây dựng văn hóa

cộng đồng, đòi hỏi cần có những tiêu chí, chuẩn mực cho các thành viên trong cộng đồng tự nguyện noi theo và gắn bó các giá trị văn hóa dân tộc.

1.5. Xây dựng văn hóa cộng đồng

1.5.1. Khái niệm

Phát triển văn hóa cộng đồng

Khái niệm

Phát triển văn hóa cộng đồng là một hoạt động có phạm vi rất rộng, bao hàm nhiều hoạt động của cộng đồng. Thậm chí có thể hiểu phát triển văn hóa cộng đồng có phạm vi gần trùng với *phát triển cộng đồng*.

Theo Wikipedia: *Phát triển cộng đồng hay xây dựng cộng đồng là một khái niệm rộng dùng trong thực tiễn hoặc trong chương trình đào tạo những người lãnh đạo dân sự, những "tích cực viên" làm việc với người dân và các nhà chuyên môn để cải thiện các lĩnh vực cộng đồng địa phương. Phát triển cộng đồng là tiến trình tạo dựng/trao truyền (empower) cho các nhân và nhóm người bằng cách cung cấp những kỹ năng cần thiết để họ có thể thay đổi cộng đồng của chính mình.*

Theo Liên Hợp Quốc trong *Tiến bộ xã hội thông qua phát triển cộng đồng* (1955) thì Phát triển cộng đồng có thể định nghĩa một cách nôm na "*là tiến trình tạo dựng điều kiện cho sự tiến bộ về kinh tế và xã hội của cộng đồng với sự tham gia tích cực và với lòng tin tuyệt đối của các tầng lớp dân cư trong cộng đồng*".

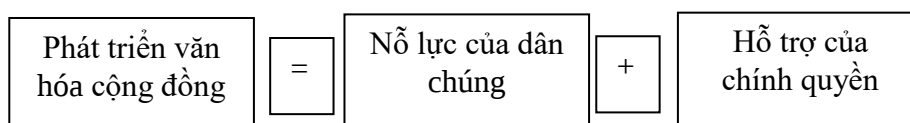
Hoặc trong một tài liệu của Liên Hợp Quốc được viết như sau: *Phát triển cộng đồng được sử dụng để chỉ một chương trình theo phương pháp tiếp cận và kỹ thuật dựa vào cộng đồng sở tại như một đơn vị hành động nhằm kết hợp sự trợ giúp từ bên ngoài với những nỗ lực, quyền tự quyết, tự xác định được tổ chức lại và từ đó, khuấy động, khuyến khích sáng iến và sự lãnh đạo của địa phương, coi đó như công cụ tiên quyết để thay đổi... Với các nước kinh tế nông nghiệp và các khu vực chậm phát triển thì trọng tâm chủ yếu đặt vào các hoạt động cải thiện điều kiện sống cơ bản của cộng đồng bao gồm cả việc thỏa mãn một số nhu cầu phi vật chất của cộng đồng.*

Theo Flo Frank và Anne Smith trong sổ tay Phát triển cộng đồng thì: *Phát triển cộng đồng là sự chuyển biến / thay đổi theo chiều hướng tốt lên một cách có kế hoạch mọi mặt của đời sống cộng đồng (kinh tế, xã hội, môi trường, văn hóa). Phát triển cộng đồng là một tiến trình ở đó mọi thành viên cộng đồng cùng nhau thực hiện công việc tập thể và cùng nhau đưa ra những giải pháp cho những vấn đề chung. Phạm vi của phát triển cộng đồng rất đa dạng. Từ những sáng kiến nhỏ trong những nhóm nhỏ nhất cho tới những sáng kiến lớn, thu hút cả cộng đồng.*¹

Theo Alison Gilchrist trong bài tham luận “Một số suy nghĩ về giá trị và hệ giá trị của phát triển cộng đồng” có đề cập đến khái niệm: *Phát triển cộng đồng là tiến trình tăng cường mối quan hệ trong cộng đồng và giữa cộng đồng với các tổ chức để củng cố cơ sở cho các hành động tập thể và hoạt động đối tác. Điều này bao gồm cả việc thay đổi mối quan hệ quyền lực cũng như mở rộng tâm với của mạng lưới các nhóm xã hội”.*

Phát triển cộng đồng là tiến trình giải quyết một số vấn đề, khó khăn đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, hướng tới sự phát triển không ngừng về đời sống vật chất, tinh thần của người dân, thông qua việc nâng cao năng lực, tăng cường sự tham gia, đoàn kết, phối hợp chặt chẽ giữa người dân với nhau, giữa người dân với các tổ chức, và giữa các tổ chức với nhau trong khuôn khổ cộng đồng.

Qua một số khái niệm trên, chúng tôi xin đưa ra khái niệm phát triển văn hóa cộng đồng là *một tiến trình giải quyết các vấn đề qua đó cộng đồng được tăng cường hưởng thụ, bảo lưu và sáng tạo các giá trị văn hóa cốt lõi với sự đồng thuận cao. Phát triển văn hóa cộng đồng được thực hiện bởi nỗ lực của dân chúng kết hợp với nỗ lực của chính quyền, các tổ chức xã hội để cải thiện các điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa của các cộng đồng, giúp các cộng đồng hội nhập, đóng góp vào đời sống quốc gia, quốc tế.*



¹ Giáo trình Phát triển cộng đồng - TS Nguyễn Kim Liên – NXB Lao động xã hội, 2008.

Lưu ý: Từ khái niệm trên ta thấy tiến trình phát triển văn hóa cộng đồng có:

- Sự tham gia của người dân với sự tự lực tối đa. Ví dụ:
 - + Người dân tham gia vào việc lập kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa ở địa bàn cư trú.
 - + Người dân tham gia vào việc quản lý, bảo tồn các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần ở địa phương... rừng, quản lý nguồn nước, quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác của cộng đồng.
- Sự hỗ trợ kỹ thuật và các dịch vụ để khuyến khích sáng kiến, sự tương thân, tương trợ để các nỗ lực của người dân có hiệu quả cao.

Ví dụ: Chính quyền và các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ việc xây dựng các thiết chế văn hóa thông tin cơ sở, hướng dẫn hoạt động các nhóm cộng đồng tại cơ sở.

Như vậy: Nội dung của tiến trình phát triển cộng đồng là tiến trình giải quyết vấn đề của cộng đồng. Thông qua đó cộng đồng được gia tăng sức mạnh do nâng cao kiến thức và kỹ năng phát hiện phân tích vấn đề, xác định thứ tự ưu tiên các vấn đề đó, huy động các nguồn lực để giải quyết bằng hành động chung. (Liên Hợp Quốc: Phát triển cộng đồng không phải là một cứu cánh mà là một kỹ thuật)

** Phát triển văn hóa cộng đồng phải xuất phát từ nhu cầu của chính người dân.*

Phát triển văn hóa cộng đồng không phải là một hoặc một vài hoạt động đơn lẻ mà là một sự nghiệp, một tiến trình lâu dài đầy thử thách, cam go, vất vả. Động cơ ban đầu của người dân khi tham gia vào các hoạt động văn hóa cộng đồng có thể rất khác nhau, có người tham gia vì thích được hội họp, kết bạn mới hay đơn giản vì muốn gắn bó với cộng đồng... Nếu chỉ với những động cơ đó, khi gặp khó khăn, người dân sẵn sàng bỏ cuộc giữa chừng. Người dân chỉ tham gia vào tiến trình phát triển văn hóa cộng đồng một cách trung thành nếu như họ thực sự nhận thấy các vấn đề của cộng đồng, về hoàn cảnh sống hiện tại của họ,

họ không chấp nhận được, không thỏa mãn với điều kiện đó, thấy cần thiết phải thay đổi, cần phải có môi trường sống tốt hơn, bình đẳng hơn. Nói cách khác, họ phải có nhu cầu, từ đó mới có động lực thực sự để tham gia vào tiến trình phát triển cộng đồng.

Ví dụ: Vấn đề bảo tồn các di tích của dòng họ xuất phát từ nhu cầu tôn vinh truyền thống của dòng họ, xây dựng chùa chiền phải xuất phát từ nhu cầu tâm linh, thành lập các hội, đoàn thể phải xuất phát từ nhu cầu sinh hoạt chung của người dân...

** Sự tham gia và quyền tự quyết của người dân*

Người dân được giác ngộ nhu cầu chung của cộng đồng sẽ làm xuất hiện các tổ chức đại diện cho nhóm người dân có chung nhu cầu đó (hội cựu giáo dục, hội cựu chiến binh...). Mỗi tổ chức đều có người lãnh đạo và các tác viên cộng đồng nhưng họ chỉ có thể hành động trên cơ sở nguyện vọng của người dân. Người dân phải được tham gia cùng làm, kết hợp với cả tổ chức nguồn lực bên ngoài để giải quyết vấn đề của chính họ. Trong các cuộc hoạt động, người cán bộ văn hóa cơ sở chỉ là người điều phối, hướng dẫn còn người dân mới là người đưa ra các quyết định cuối cùng cho các vấn đề của họ.

Trong bối cảnh Việt Nam, khi các đoàn thể, tổ chức xã hội có nhiều nhưng nhiều tổ chức đã bị "hành chính hóa" thì việc cải tổ để lắng nghe người dân nhiều hơn, để người lãnh đạo thực sự là đại diện quyền lợi của nhân dân là hết sức quan trọng. Quyền tự quyết của dân trong điều kiện khi bộ máy hành chính đã quá mạnh là một vấn đề hết sức khó khăn khi áp dụng trong thực tế cuộc sống hiện nay. Tuy nhiên, để áp dụng được hoàn toàn nguyên tắc này, người tác viên cộng đồng hay lãnh đạo của các tổ chức của nhân dân vẫn phải hết sức kiên trì, gợi ý để dân thấy hết những ưu điểm, nhược điểm của mỗi giải pháp để người dân tự quyết.

** Tin vào khả năng của dân*

Khi người dân đã có động lực họ sẽ tìm thấy sức mạnh tinh thần và sức mạnh vật chất cần thiết để hành động. Khả năng của người dân ở đây là khả năng suy tính cho phù hợp với hoàn cảnh, khả năng đóng góp kinh nghiệm, khả

năng nguồn lực. Khả năng ở đây không phải của một vài cá nhân mà là của tập thể, một cộng đồng, đó là sức mạnh rất lớn.

Những bài học rút ra ở những thời điểm khó khăn nhất trong các cuộc kháng chiến chống thực dân đế quốc xâm lược của nước ta cho thấy nếu biết khai thác, phát huy khả năng của dân, thì đó là sức mạnh vô địch. Thực hiện nguyên tắc này, người cán bộ phát triển văn hóa cộng đồng phải biết phát huy cao độ sức mạnh của cộng đồng. Những thành công nhỏ là niềm khuyến khích lớn để người dân tiếp tục đi lên. Không nên làm thay họ mà cùng sống, cùng làm với người dân và khuyến khích họ một cách kịp thời. .

** Phát huy nội lực*

Mọi hoạt động phát triển văn hóa cộng đồng chỉ có thể xuất phát từ ý chí và nội lực bên trong. Hỗ trợ bên ngoài (chuyên môn, kỹ thuật, tài chính...) là rất cần thiết nhưng chỉ là chất xúc tác.

Nội lực của cộng đồng ở đâu là một câu hỏi thường được đặt ra đối với nhiều người khi làm việc với cộng đồng, đặc biệt là cộng đồng nghèo. Nội lực ở đây không phải và không bao giờ chỉ là nguồn lực tài chính. Nội lực của cộng đồng bao gồm:

Nguồn nhân lực của cộng đồng bao gồm gia đình và gia phong, đạo đức, luân lý gia đình, dòng họ, phong cách sống lành mạnh, kinh nghiệm giáo dục con cháu trong gia đình, dòng họ, cộng đồng; Truyền thống văn hóa, tương thân tương ái; Kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp, tổ chức công ăn việc làm, nghề truyền thống, khả năng kinh doanh, buôn bán...; Kỹ năng lập kế hoạch, lãnh đạo, quản lý... Các chính sách về nguồn nhân lực, luật lao động, các chính sách của nhà nước liên quan đến chăm sóc y tế, giáo dục, an sinh xã hội... liên quan đến con người và quyền con người. Những tổ chức đã có trong cộng đồng...

Nguồn lực tự nhiên: đất đai, rừng núi, nguồn nước, nguồn không khí và nhiều sản vật trên mặt đất và trong lòng đất, hệ thực vật, động vật.

Nguồn lực tài chính: ngân sách địa phương, các khoản thu từ hoạt động kinh tế của cộng đồng, các quỹ vay vốn quay vòng, quỹ của các tổ chức trong

cộng đồng; Các khoản vay cần thiết từ ngân hàng; Kinh phí xin từ các chương trình dự án của nhà nước và các tổ chức khác; Các khoản đầu tư sinh lời; Hệ thống chính sách tài chính quốc gia mà cộng đồng có thể tiếp cận được.

Nguồn cơ sở hạ tầng hiện có của cộng đồng: hệ thống đường xá, trường học, cơ sở y tế, hệ thống thông tin liên lạc, bưu điện, đường dây điện thoại, hệ thống cung cấp, truyền tải điện: trạm phát điện, trạm biến thế, hệ thống dây dẫn... Hệ thống thương mại buôn bán: chợ, cửa hàng, cửa hiệu...

Trong bối cảnh những nước như nước ta, khi hệ thống chính trị và các chính sách của nhà nước đồng thuận với mục tiêu, mục đích của cộng đồng thì đây là một nguồn lực vô cùng to lớn. VD: các chính sách đầu tư phát triển kinh tế địa phương, chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách tăng cường dân chủ cơ sở, chính sách phát triển cộng đồng xã, phường văn hóa... là những nguồn lực to lớn mà cộng đồng có thể phát huy, sử dụng như những nguồn lực hết sức quan trọng.

** Công bằng xã hội*

Công bằng xã hội không chỉ là một khẩu hiệu mà phải dẫn tới sự tái phân phối tài nguyên một cách hợp lý (bao gồm tiền của, tiện nghi, kiến thức, quyền lực ở cấp vi mô cũng như vĩ mô). Điều này rất quan trọng bởi vì không ít chương trình phát triển cộng đồng đã tạo thêm vào khoảng cách giàu nghèo. Nguyên tắc này ngụ ý rằng khi xác định vấn đề để có dự án can thiệp, chúng ta phải xác định chính xác vấn đề nào nổi cộm nhất và đối tượng được ưu tiên giải quyết luôn là người nghèo, những đối tượng thiệt thòi, dễ bị tổn thương.

** Phát triển văn hóa cộng đồng phải chú ý đến phát triển đồng bộ mọi khía cạnh của đời sống xã hội:*

Phát triển văn hóa cộng đồng sẽ không thành công nếu chỉ chú trọng tổ chức các hoạt động văn hóa mà không lưu tâm đến phát triển kinh tế, nâng cao quyền lợi chính trị, xã hội cho cộng đồng. Chỉ tiến công vào một khía cạnh thì không thể nào phá vỡ cái vòng luẩn quẩn của nghèo đói, đói nát và bệnh tật. Nguồn lực thì có hạn nhưng tính đồng bộ của sự phát triển luôn đòi hỏi các chương trình phải có tính toán các *điểm đột phá*, từ đây tìm ra chìa khóa của sự

phát triển. Phát triển cộng đồng chỉ có hiệu quả khi nằm trong một chiến lược phát triển quốc gia đúng đắn.

1.5.2. Mục tiêu phát triển văn hóa cộng đồng

Phát triển văn hóa cộng đồng không nhằm đến mục đích đạt được các thành tích vật chất hay phong trào bề nổi mà hướng đến hiệu quả chuyển biến văn hóa – xã hội. Mục tiêu tổng quát của phát triển văn hóa cộng đồng được thể hiện ở 4 khía cạnh:

- Hướng tới cải thiện đời sống văn hóa của cộng đồng với sự cân bằng về vật chất và tinh thần, qua đó tạo ra những chuyển biến trong đời sống văn hóa – xã hội của cộng đồng.

- Tạo môi trường để con người được bộc lộ, chia sẻ khát vọng tích cực nhất.

- Tạo sự bình đẳng trong tham gia của mọi nhóm xã hội trong cộng đồng, kể cả các nhóm thiệt thòi nhất đều có quyền nêu lên nguyện vọng của mình và được tham gia vào các hoạt động

- Củng cố các thiết chế, tổ chức để tạo điều kiện cho phát triển văn hóa cộng đồng

1.5.3 Nội dung của phát triển văn hóa cộng đồng

Nội dung phát triển văn hóa cộng đồng gồm ba lĩnh vực liên quan nhau là:

- *Quản lý tài nguyên văn hóa cộng đồng*: bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng, phát huy giá trị của chúng trong bối cảnh hiện tại.

- *Giáo dục cộng đồng*: giúp trang bị kiến thức, sự hiểu biết và kỹ năng làm việc, lao động cho người dân. Ví dụ: xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, phát triển công nghệ thông tin,...

- *Tổ chức cộng đồng*:

- + Củng cố các tổ chức có sẵn như các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội tại cộng đồng;

- + Thành lập nhóm nhỏ, nhóm mới hoặc các câu lạc bộ;

+ Tổ chức các ngành nghề như các tổ sản xuất, câu lạc bộ nghề nghiệp trong cộng đồng. Mở rộng, liên kết với các nhóm khác, tiến đến thành lập hiệp hội, hợp tác xã...

Ba lĩnh vực trong nội dung xây dựng văn hóa cộng đồng được dùng như điểm xuất phát trong một dự án. Các dự án xây dựng văn hóa cộng đồng được tiến hành tùy theo lĩnh vực chuyên môn của các tổ chức phát triển và nhu cầu của cộng đồng. Có những tổ chức phát triển chỉ chuyên thực hiện dự án quản lý tài nguyên văn hóa thí dụ: bảo tồn, trùng tu di tích, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể;... hoặc chuyên thực hiện giáo dục cộng đồng như: xóa mù chữ, thực hiện nếp sống văn hóa cơ sở; hoặc chuyên tổ chức cộng đồng: xây dựng và tổ chức hoạt động nhà văn hóa... hoặc kết hợp các nội dung trên: phát triển đời sống văn hóa cơ sở ở địa phương cụ thể...

1.6. Thực trạng hoạt động văn hóa cộng đồng ở Việt Nam

Ở Việt Nam, khái niệm phát triển văn hóa cộng đồng lần đầu tiên được giới thiệu từ giữa thập kỷ 50 của thế kỷ XX thông qua một số hoạt động phát triển cộng đồng tại các tỉnh phía Nam, trong lĩnh vực giáo dục. Từ thập kỷ 60 – 70 được đẩy mạnh thông qua các chương trình phát triển nông thôn, phong trào Phật giáo... Tuy nhiên, hoạt động này chưa được hệ thống hóa, chưa được triển khai đồng bộ và rộng khắp. Lĩnh vực xây dựng văn hó cộng đồng cần có những tổng kết lý thuyết và thực tiễn để hoàn chỉnh nó. Quá trình này cần có những cách nhìn nhận từ nhiều cách tiếp cận khác nhau.

Trước thời kỳ đổi mới, các hoạt động phát triển văn hóa cộng đồng được tiến thành theo tinh thần bao cấp. Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở tập trung vào 6 mặt hoạt động: Thông tin tuyên truyền cổ động, văn nghệ quần chúng, bảo tồn bảo tàng, thư viện - đọc sách báo, Nhà văn hóa - Câu lạc bộ, xây dựng nếp sống văn hoá mới. Các phong trào này đã đem lại những biến đổi sâu sắc trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân.

Sau những năm đổi mới, hoạt động phát triển văn hóa cộng đồng được tiến hành trong bối cảnh mới, nhiều phong trào vận động khác nhau của các ngành, giới: Ngành Văn hóa - Thông tin có phong trào "Xây dựng làng, bản, ấp... văn

hóa", "Xây dựng nếp sống văn hóa, gia đình văn hóa". Mặt trận Tổ quốc có phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư", Hội Nông dân có phong trào "Xây dựng nông thôn mới" và xây dựng "Gia đình 6 chuẩn mực". Hội Liên hiệp phụ nữ có phong trào "Xóa đói giảm nghèo" và xây dựng "gia đình hòa thuận - ấm no - hạnh phúc"... Khi Nghị quyết 5 (khóa VIII) ra đời (1998), các phong trào trên được gọi chung là cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Các phong trào của nhiều ngành, giới, đoàn thể hướng về cơ sở đã trở thành một cuộc vận động sâu, rộng trong nhân dân. Tiêu chí nội dung của mỗi phong trào đều đảm bảo tính định hướng của Đảng và Nhà nước, được nhân dân tự nguyện tham gia.

Tuy nhiên, đời sống văn hóa của cộng đồng cư dân, nhất là ở khu vực nông thôn còn nhiều bất cập. Theo một điều tra xã hội học (2009), chi tiêu của người dân Thành phố Hồ Chí Minh dành cho vui chơi, giải trí chiếm 30% thu nhập gia đình. Ở Hà Nội, Huế tỷ lệ đó là 20%. Còn ở các cộng đồng dân cư nông thôn, chi tiêu đó rất nhỏ bé. Hình thức chủ yếu là xem truyền hình, nghe đài. Hoạt động văn hóa thông tin còn gặp nhiều khó khăn do đầu tư cho thiết chế văn hóa ở cộng đồng dân cư còn hạn chế. Thiếu vắng đội ngũ làm công tác văn hóa - thông tin ở các cộng đồng dân cư, hoặc chỉ có cán bộ kiêm nhiệm.

Từ nhiều năm nay, các cộng đồng dân cư trong cả nước đều quan tâm xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, ấp, khu phố. Nhưng hầu hết các nhà văn hóa này mới chỉ là nơi để hội họp, sinh hoạt tập thể. Sách báo, nhạc cụ và các trang bị, thiết bị phục vụ sinh hoạt văn hóa văn nghệ hầu như không có. Điều đáng chú ý là, các đội văn nghệ ở các làng, bản, các chiếu chèo ở các cộng đồng dân cư khu vực đồng bằng sông Hồng, vốn một thời hoạt động rất sôi nổi, nhưng nay ít nơi duy trì được. Các cộng đồng dân cư ở miền núi, vùng cao, vùng sâu đời sống văn hóa của người dân còn khó khăn hơn.

Sự giao lưu, mở cửa, hội nhập kinh tế, văn hóa ngày càng sâu với quốc tế đem đến cho cộng đồng dân cư nhiều cơ hội: Cộng đồng dân cư có điều kiện phát triển kinh tế, giao lưu, hội nhập với nhiều nền văn hóa, những thành quả

của văn minh nhân loại. Song bên cạnh những mặt tích cực đã nảy sinh nhiều tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa cộng đồng dân cư. Cuộc sống hiện đại với sự phát triển mạnh mẽ của các thành phần kinh tế, ở một góc độ nào đó, đã phá vỡ các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp trong cộng đồng. Nhiều tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, rượu chè, mại dâm, đại dịch HIV/AIDS đã và đang xâm nhập vào không ít gia đình. Mâu thuẫn giữa các thế hệ về phép ứng xử, lối sống đang đặt ra những thách thức mới. Tình trạng bạo lực trong các gia đình có chiều hướng ngày càng gia tăng và phức tạp.

Cộng đồng dân cư vốn là hạt nhân của quốc gia, là cái nôi sinh thành văn hóa dân tộc. Thực tế cho thấy, mỗi làng xóm ở nông thôn đều là nơi gìn giữ, bảo lưu một nền văn hóa dân gian phong phú với những tập quán, phong tục, lối sống, lễ hội, hệ thống, đình, đền, chùa, miếu... Tất cả cấu kết thành một cộng đồng dân cư văn hóa vững chắc. Tình trạng đô thị hóa nhanh, nhất là sự tùy tiện, ở không ít nơi đang làm mất đi những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp. Lối sống cộng đồng truyền thống bị tác động tiêu cực bởi lối sống thị dân "thực dụng". Nhưng thực tế cũng cho thấy, lối sống của người dân ở nhiều địa phương vẫn chưa bắt kịp với lối sống văn minh đô thị, nếp sống tiểu nông phần nào gây khó khăn cho việc quản lý cộng đồng dân cư. Do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan mà kết cấu hạ tầng xã hội ở các cộng đồng còn nhiều vấn đề bức xúc. Mạng lưới giao thông, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, thông tin... rất kém, dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đất đai bị lấn chiếm bừa bãi để xây nhà, diện tích cây xanh, ao hồ ngày càng giảm, sông ngòi, cống rãnh bị thu hẹp là một trong những nguyên nhân cơ bản làm cho ô nhiễm môi trường ngày càng nặng, gây trở ngại không nhỏ cho phát triển văn hóa, xã hội các cộng đồng dân cư ở khu vực này.

1.7. Thực trạng phát triển văn hóa cộng đồng ở Việt Nam hiện nay

Trên thế giới, phát triển văn hóa cộng đồng là một bộ phận nhỏ của phát triển cộng đồng. Đây là hoạt động có lịch sử lâu đời, song hành với các hoạt động đảm bảo và phát triển đời sống văn hóa, xã hội của một cộng đồng. Tuy nhiên phát triển văn hóa cộng đồng (một nội dung của phát triển cộng đồng) chỉ

xuất hiện như một khái niệm lý thuyết và thực hành từ những năm 1940 tại các nước thuộc địa của Anh. Năm 1950 Liên Hợp Quốc đưa ra định nghĩa về Phát triển cộng đồng và triển khai nhiều dự án để thực hiện những công trình phúc lợi công cộng... Đến nay, hoạt động phát triển văn hóa cộng đồng trên thế giới rất đa dạng, chuyển biến dần từ tạo sự thay đổi về hình thức sáng tạo sự thay đổi về chất, tăng cường năng lực cho bản thân cộng đồng, nhất là những cộng đồng nghèo.

Ở Việt Nam, khái niệm phát triển văn hóa cộng đồng lần đầu tiên được giới thiệu từ giữa thập kỷ 50 của thế kỷ XX thông qua một số hoạt động phát triển cộng đồng tại các tỉnh phía Nam, trong lĩnh vực giáo dục. Từ thập kỷ 60 – 70 được đẩy mạnh thông qua các chương trình phát triển nông thôn, phong trào Phật giáo... Tuy nhiên, hoạt động này chưa được hệ thống hóa, chưa được triển khai đồng bộ và rộng khắp. Lĩnh vực xây dựng văn hó cộng đồng cần có những tổng kết lý thuyết và thực tiễn để hoàn chỉnh nó. Quá trình này cần có những cách nhìn nhận từ nhiều cách tiếp cận khác nhau.

Trước thời kỳ đổi mới, các hoạt động phát triển văn hóa cộng đồng được tiến thành theo tinh thần bao cấp. Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở tập trung vào 6 mặt hoạt động: Thông tin tuyên truyền cổ động, văn nghệ quần chúng, bảo tồn bảo tàng, thư viện - đọc sách báo, Nhà văn hóa - Câu lạc bộ, xây dựng nếp sống văn hoá mới. Các phong trào này đã đem lại những biến đổi sâu sắc trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân.

Sau những năm đổi mới, hoạt động phát triển văn hóa cộng đồng được tiến hành trong bối cảnh mới, nhiều phong trào vận động khác nhau của các ngành, giới: Ngành Văn hóa - Thông tin có phong trào "Xây dựng làng, bản, ấp... văn hóa", "Xây dựng nếp sống văn hóa, gia đình văn hóa". Mặt trận Tổ quốc có phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư", Hội Nông dân có phong trào "Xây dựng nông thôn mới" và xây dựng "Gia đình 6 chuẩn mực". Hội Liên hiệp phụ nữ có phong trào "Xóa đói giảm nghèo" và xây dựng "gia đình hòa thuận - ấm no - hạnh phúc"... Khi Nghị quyết 5 (khóa

VIII) ra đời (1998), các phong trào trên được gọi chung là cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Các phong trào của nhiều ngành, giới, đoàn thể hướng về cơ sở đã trở thành một cuộc vận động sâu, rộng trong nhân dân. Tiêu chí nội dung của mỗi phong trào đều đảm bảo tính định hướng của Đảng và Nhà nước, được nhân dân tự nguyện tham gia.

Tuy nhiên, đời sống văn hóa của cộng đồng cư dân, nhất là ở khu vực nông thôn còn nhiều bất cập. Theo một điều tra xã hội học (2009), chi tiêu của người dân Thành phố Hồ Chí Minh dành cho vui chơi, giải trí chiếm 30% thu nhập gia đình. Ở Hà Nội, Huế tỷ lệ đó là 20%. Còn ở các cộng đồng dân cư nông thôn, chi tiêu đó rất nhỏ bé. Hình thức chủ yếu là xem truyền hình, nghe đài. Hoạt động văn hóa thông tin còn gặp nhiều khó khăn do đầu tư cho thiết chế văn hóa ở cộng đồng dân cư còn hạn chế. Thiếu vắng đội ngũ làm công tác văn hóa - thông tin ở các cộng đồng dân cư, hoặc chỉ có cán bộ kiêm nhiệm.

Từ nhiều năm nay, các cộng đồng dân cư trong cả nước đều quan tâm xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, ấp, khu phố. Nhưng hầu hết các nhà văn hóa này mới chỉ là nơi để hội họp, sinh hoạt tập thể. Sách báo, nhạc cụ và các trang bị, thiết bị phục vụ sinh hoạt văn hóa văn nghệ hầu như không có. Điều đáng chú ý là, các đội văn nghệ ở các làng, bản, các chiếu chèo ở các cộng đồng dân cư khu vực đồng bằng sông Hồng, vốn một thời hoạt động rất sôi nổi, nhưng nay ít nơi duy trì được. Các cộng đồng dân cư ở miền núi, vùng cao, vùng sâu đời sống văn hóa của người dân còn khó khăn hơn.

Sự giao lưu, mở cửa, hội nhập kinh tế, văn hóa ngày càng sâu với quốc tế đem đến cho cộng đồng dân cư nhiều cơ hội: Cộng đồng dân cư có điều kiện phát triển kinh tế, giao lưu, hội nhập với nhiều nền văn hóa, những thành quả của văn minh nhân loại. Song bên cạnh những mặt tích cực đã nảy sinh nhiều tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa cộng đồng dân cư. Cuộc sống hiện đại với sự phát triển mạnh mẽ của các thành phần kinh tế, ở một góc độ nào đó, đã phá vỡ các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp trong cộng đồng. Nhiều tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, rượu chè, mại dâm, đại dịch HIV/AIDS đã và đang xâm

nhập vào không ít gia đình. Mâu thuẫn giữa các thế hệ về phép ứng xử, lối sống đang đặt ra những thách thức mới. Tình trạng bạo lực trong các gia đình có chiều hướng ngày càng gia tăng và phức tạp.

Cộng đồng dân cư vốn là hạt nhân của quốc gia, là cái nôi sinh thành văn hóa dân tộc. Thực tế cho thấy, mỗi làng xóm ở nông thôn đều là nơi gìn giữ, bảo lưu một nền văn hóa dân gian phong phú với những tập quán, phong tục, lối sống, lễ hội, hệ thống, đình, đền, chùa, miếu... Tất cả cấu kết thành một cộng đồng dân cư văn hóa vững chắc. Tình trạng đô thị hóa nhanh, nhất là sự tùy tiện, ở không ít nơi đang làm mất đi những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp. Lối sống cộng đồng truyền thống bị tác động tiêu cực bởi lối sống thị dân "thực dụng". Nhưng thực tế cũng cho thấy, lối sống của người dân ở nhiều địa phương vẫn chưa bắt kịp với lối sống văn minh đô thị, nếp sống tiểu nông phần nào gây khó khăn cho việc quản lý cộng đồng dân cư. Do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan mà kết cấu hạ tầng xã hội ở các cộng đồng còn nhiều vấn đề bức xúc. Mạng lưới giao thông, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, thông tin... rất kém, dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đất đai bị lấn chiếm bừa bãi để xây nhà, diện tích cây xanh, ao hồ ngày càng giảm, sông ngòi, cống rãnh bị thu hẹp là một trong những nguyên nhân cơ bản làm cho ô nhiễm môi trường ngày càng nặng, gây trở ngại không nhỏ cho phát triển văn hóa, xã hội các cộng đồng dân cư ở khu vực này.

Trong thời gian tới, nếu chúng ta không quan tâm củng cố, ổn định và phát triển văn hóa cộng đồng dân cư ở nông thôn, những khó khăn và thách thức sẽ tiếp tục làm suy yếu sức mạnh cộng đồng dân cư. Do đó, đề cao giá trị văn hóa cộng đồng và phát triển văn hóa cộng đồng là mục tiêu vừa có tính chiến lược, vừa có tính cấp bách trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc - nền tảng tinh thần xã hội.

Một số xu hướng phát triển cộng đồng văn hóa trong bối cảnh kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế

Ngày nay, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã và đang là một xu thế nổi bật trong đời sống chính trị - kinh tế - văn hóa của toàn nhân loại. Do đó, sự phát

triển của cộng đồng văn hóa và văn hóa cộng đồng cũng không nằm ngoài sự phát triển và hội nhập chung ấy.

Toàn cầu hóa một mặt tạo điều kiện cho việc mở rộng giao lưu quốc tế, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc; tạo điều kiện cho việc tiếp thu những thành tựu của văn hóa nhân loại cũng như phổ biến và khẳng định bản sắc văn hóa của dân tộc mình, đồng thời nó cũng tạo điều kiện cho việc hiện đại hóa và làm phong phú nền văn hóa của các cộng đồng; mặt khác, nó cũng là nguy cơ làm mai một bản sắc văn hóa của cộng đồng.

Từ quan điểm định hướng phát triển văn hóa cộng đồng xuất phát từ nhu cầu của chính người dân, phát triển đồng bộ trên mọi khía cạnh của đời sống văn hóa tinh thần qua đó tạo được sự thay đổi được nhận thức và hành vi của người dân trong văn hóa cộng đồng.

Khi nói tới cộng đồng văn hóa là nói tới những yếu tố mang tính lịch sử, tất nhiên, còn văn hóa cộng đồng là nói tới khái niệm mang tính xã hội phát triển. Ví dụ như những tụ điểm thu hút, giao tiếp văn hóa như: sân ga, bến tàu, nhà hát, chợ,... hay các tổ chức hoạt động văn hóa phi thường xuyên như các cuộc hội thảo, Festival, các lễ hội,... hay định hướng của các nhà quản trị nhà nước, xây dựng các mô hình mới để thu hút các nhóm tham gia.

Phát triển văn hóa cộng đồng là hướng tới tạo một không gian giao tiếp cộng đồng tốt hơn, thuận tiện hơn bằng những cơ chế, chính sách, những cơ sở vật chất phù hợp để con người tự do phát triển văn hóa cá nhân.

Hiện nay, cũng như các quốc gia trên thế giới nhà nước ta khá quan tâm đến các công trình công cộng: dành phần không gian nhất định cho phát triển văn hóa cộng đồng, thiết chế văn hóa cổ điển như: nhà thờ, chùa, đình, đền,... hay các thiết chế văn hóa mới như nhà hát, rạp chiếu phim, sân bóng,... mỗi tụ điểm văn hóa này đều gắn với một nhóm cộng đồng cụ thể đi theo, có nhiều nhóm cộng đồng gắn với thiết chế cộng đồng văn hóa tôn giáo gắn với văn hóa cộng đồng cổ điển. Trong các địa điểm văn hóa cộng đồng, con người được tự do bộc lộ cá nhân, tự do phát triển cá nhân trước mọi người. Tuy nhiên, mặt trái của văn hóa cộng đồng đã tạo nên những phản ứng ngược chiều, đôi khi hạn chế

tính cách cá nhân bởi những khuôn mẫu của cộng đồng làm mờ đi những biểu hiện của cá nhân. Phát triển văn hóa cộng đồng là mẫu số chung cho các giá trị đơn lẻ. Văn hóa cộng đồng ngày nay càng hiện đại thì càng dễ bị tổn thương và càng ngày càng có nhiều thách thức mai một, bởi lẽ chủ nghĩa cá nhân ngày càng lên cao, con người không được tổ chức tốt gây ra nhiều khó khăn.

Vì vậy xu hướng phát triển văn hóa cộng đồng hiện nay là tăng cường năng lực và tạo sức mạnh văn hóa cho cộng đồng.

Phát triển văn hóa cộng đồng phải đi đôi với xây dựng thiết chế cộng đồng.

Như vậy, phát triển văn hóa cộng đồng hiện nay là một trong những trọng tâm cơ bản của các chính sách phát triển đất nước, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng như hiện nay. Phát triển kinh tế và phát triển văn hóa luôn đi đôi song hành với nhau. Kinh tế phát triển sẽ tạo điều kiện cho văn hóa phát triển, đồng thời văn hóa phát triển lại tạo cơ sở, động lực cho kinh tế phát triển “trong bối cảnh hiện nay, văn hóa càng liên quan chặt chẽ đến ổn định xã hội, đến an ninh quốc gia, đến dân tộc để phát triển toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của xã hội, văn hóa và kinh tế có quan hệ gắn bó hữu cơ, là mục tiêu, động lực của nhau” – trích lời của nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu.

Nhu cầu về sinh hoạt văn hóa cộng đồng của khu đô thị

Trong không gian đô thị từng cá nhân và từng gia đình ít bị ràng buộc bởi các mối quan hệ chằng chịt như ở thôn quê. Ở nông thôn giữa hai người, hai gia đình có khi vừa là quan hệ huyết thống, vừa là láng giềng, lại vừa có cùng lợi ích kinh tế (cùng làm nông nghiệp hay một nghề thủ công nào đó)... do đó tính cộng đồng cao hơn. Còn ở đô thị thì mối quan hệ cùng lợi ích kinh tế là quan hệ chính, hoặc quan hệ chính trị như cùng giai cấp/đảng cấp. Quan hệ láng giềng hay huyết thống vẫn duy trì nhưng là thứ yếu và không phổ biến.

Nhu cầu về văn hóa là một nhu cầu có ở mỗi thành viên trong cộng đồng, từ các cộng đồng truyền thống ở nông thôn đến các cộng đồng hiện đại ở đô thị. Tuy nhiên, ở mỗi cộng đồng, do những điều kiện và hoàn cảnh khác nhau nên mức độ nhu cầu hưởng thụ văn hóa cũng khác nhau.

Đặc điểm cư dân ở cộng đồng ở đô thị đó là:

- Mọi quan hệ giữa các cá nhân có tính chất giao kèo.
 - Quan hệ tồn tại theo các hội đoàn có chủ đích
 - Sự ràng buộc xã hội theo hướng mục tiêu cụ thể
 - Sự thống nhất theo phân chia lao động, chuyên môn hóa theo chức năng và sự phụ thuộc lẫn nhau.
- Sự thống nhất đạt được dựa trên cơ sở phụ thuộc mục tiêu do chuyên môn hóa.

Văn hóa đô thị có thể hiểu là tổng thể các giá trị vật chất, tinh thần và cả các hoạt động văn hóa nhằm tôn vinh, làm sản sinh, truyền bá và thực hành các giá trị chân, thiện, mỹ, nhằm làm giàu tính người trong đời sống đô thị. Văn hóa đô thị là một thực thể tồn tại khách quan trong mối quan hệ với đời sống thành thị, nó bao hàm các yếu tố văn hóa tĩnh (sản phẩm văn hóa vật thể, các thiết chế văn hóa...) và các yếu tố văn hóa động (bao gồm cách thức sản xuất, hình thức sinh hoạt văn hóa của cư dân đô thị) như phong tục tập quán, lễ hội, sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng, các hoạt động khoa học, giáo dục, văn hóa, thể thao,... Và thông qua các phương thức sinh hoạt cùng với những biểu hiện của nó mà chúng ta có thể xác định lối sống, nếp sống của các giai tầng cư dân đô thị. Văn hoá đô thị chủ yếu là sự tập trung số đông dân cư phi nông nghiệp, quan hệ cư trú - ứng xử có kết cấu giản đơn hơn ở nông thôn: gia đình - đường phố - xã hội

Đặc trưng của văn hoá đô thị là sự tập trung dân cư phi nông nghiệp, hình thành những quần thể kiến trúc theo kiểu bàn cờ, với quan hệ cư trú - ứng xử kết cấu giản đơn hơn ở nông thôn rất nhiều đó là: gia đình - đường phố - xã hội. Nhu cầu tiêu dùng của người đô thị thường cao hơn, đa dạng hơn và hướng tới sự khá giả. Vì vậy, dịch vụ công không thể thiếu đối với cư dân đô thị. Đây có thể được xem như là một nét văn hoá đô thị. Hơn nữa, người dân đô thị ngày càng chú trọng đến chất lượng các loại hình dịch vụ văn hoá, có nhiều điều kiện để chọn lựa cách thức hưởng thụ giá trị văn hoá khác nhau. Trong tổ chức đời sống văn hoá, cộng đồng cư dân đô thị đã cơ bản khắc phục được tác phong sản xuất nhỏ, trì trệ, luộm thuộm, manh mún; hình thành nên tác phong công nghiệp

hiện đại; xây dựng được ý thức chấp hành pháp luật, ý thức công dân và ý thức cá nhân.

Nhu cầu của người dân trong đô thị với các sinh hoạt văn hóa cộng đồng đó là: những không gian sinh hoạt văn hóa hiện đại như: các quảng trường đô thị, không gian mở đô thị, không gian mở trước các công trình công cộng như: Trung tâm hành chính, trung tâm thương mại lớn, nhà hát, tượng đài... đây là nơi có thể tổ chức rất tốt với nhiều hoạt động sinh động hấp dẫn như: Giao lưu, sân chơi thanh thiếu niên, đi dạo người lớn tuổi, vẽ tranh, bán tranh ảnh nghệ thuật, làm tượng, biểu diễn âm nhạc... đó còn là nơi vui chơi, đi dạo của các gia đình, nơi thư giãn, tập thể dục, giao lưu của người dân,...

Nhu cầu văn hóa cộng đồng ở nông thôn

Văn hóa cộng đồng nông thôn truyền thống thường chỉ đề cao các quan hệ và tập quán bên trong cũng ngăn cản các giao tiếp thường xuyên với thế giới bên ngoài. Các câu ca dao xưa đại loại như: "Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn" hay "lấy chồng khó giữa làng còn hơn lấy chồng sang thiên hạ" chính là phản ánh tâm thức hướng nội và bài ngoại của tinh thần cộng đồng làng xã. Lũy tre làng không chỉ là hàng rào bảo vệ an ninh cộng đồng mà còn là đường phân định ranh giới giữa không gian bên trong và bên ngoài cộng đồng.

Ở nông thôn quan hệ cư trú kết cấu phức tạp hơn, theo kiểu: gia đình - dòng họ - làng xóm, láng giềng - xã hội.

Đặc trưng của cộng đồng nông thôn đó là:

- Sự thân thiện và quan hệ trao đổi thân thuộc hàng ngày;
- Quan hệ ruột thịt mạnh mẽ theo hình thức phả hệ gia đình;
- Sự tự phát, cùng giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẻ niềm vui và nỗi buồn;
- Sự thống nhất cao theo các luật tục;
- Sự thống nhất dựa trên cơ sở sự giống nhau về đặc điểm.

Thực trạng dễ nhận thấy là ở nông thôn Đời sống văn hóa ở nông thôn có thể nói là thua kém thành phố mọi mặt. Các chương trình ca nhạc, nghệ thuật chẳng mấy khi nào tổ chức ở nông thôn, nhà văn hóa, thư viện, rạp chiếu phim khu vui chơi cho người lớn, trẻ em cũng rất hạn chế. Những sân chơi để trẻ em

có thể phát triển trí tuệ một cách toàn diện gồm những thứ đồ chơi có thể vừa chơi, vừa học, sách, truyện...hầu như không có mặt ở nông thôn, tất nhiên ở vùng sâu vùng xa lại càng thiếu. Khác với ở thành phố, không gian ở nông thôn rất rộng rãi nhưng lại không được đầu tư xây dựng sân chơi hay các nhà văn hóa cho trẻ nhỏ. Ở một số tỉnh lớn tuy có nhà văn hóa thì hầu hết lại đang gặp phải 1 thực trạng đó là thiếu sách báo, truyện, văn phòng phẩm nên mặc dù có cũng không thu hút được các em nhỏ. Thiếu sân chơi, thiếu nhà văn hóa, thư viện những trò chơi bổ ích giúp trẻ phát triển trí tuệ toàn diện, trẻ em ở nông thôn đành tự tìm đến những trò chơi riêng cho mình. Phổ biến ở nông thôn là bơi sông, trèo cây, đá bóng ngoài đường...những trò chơi rất nguy hiểm và không mang lại lợi ích gì cho trẻ em.. Không chỉ có trẻ em nông thôn thiếu khu vui chơi, cả người lớn ở các vùng nông thôn cũng hoàn toàn thiệt thòi về mặt thụ hưởng các sản phẩm văn dKhông chỉ có trẻ em nông thôn thiếu khu vui chơi, cả người lớn ở các vùng nông thôn cũng hoàn toàn thiệt thòi về mặt thụ hưởng các sản phẩm văn hóa so với người dân thành thị. Thực tế hiện nay, kể cả ở các tỉnh lớn chứ chưa nói đến những vùng xa xôi, hẻo lánh việc tiếp cận với văn hóa, thụ hưởng văn hóa của người dân gặp nhiều khó khăn. Chỉ cần nói đơn giản, cái nhìn thấy dễ dàng nhất, đó là các chương trình ca nhạc, các chương trình nghệ thuật tổng hợp, kịch, múa...chẳng mấy khi nào được tổ chức tại các tỉnh. Có chăng thì ở một vài tỉnh cũng chỉ diễn ra các chương trình giao lưu nghệ thuật, chào mừng 1 sự kiện gì đó 1-2 lần trong 1 năm. Hệ thống các rạp chiếu phim ở vùng nông thôn lại càng thiếu, vì thế để có thể tiếp cận với các tác phẩm điện ảnh trong cũng như ngoài nước với người dân nông thôn là vấn đề cực kỳ khó khăn. Các tác phẩm văn học, sách báo được đưa về nông thôn bán cũng rất hạn chế vì thế người dân ở đây nếu có muốn tìm mua 1 tác phẩm hay cũng không phải việc dễ dàng.

Thiếu khu vui chơi giải trí, đời sống văn hóa lại cũng thiếu thốn là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc sai lệch trong nhận thức về văn hóa dân tộc, lâu dần sẽ dẫn đến việc đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc. Vì vậy vấn

Vì vậy vấn đề đã ra cần phải được giải quyết đúng mức đó là giải quyết những nhu cầu văn hóa cộng đồng cho những thành viên trong cộng đồng nông thôn để nhanh chóng hoàn thành chương trình nông thôn mới.

Nhu cầu văn hóa cộng đồng ở miền núi

Do khó khăn về địa hình, giao thông, đời sống kinh tế và đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào vùng dân tộc thiểu số miền núi thường thấp hơn so với các địa phương vùng đồng bằng và sự chênh lệch này đang có xu hướng ngày càng gia tăng.

Có thể thấy, mức hưởng thụ văn hóa của vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi thường diễn ra theo hai chiều, xuất phát từ phía Nhà nước và do cộng đồng tự tạo dựng. Tuy nhiên, do những khó khăn về kinh tế, khả năng tự thân từ cộng đồng là khá hạn chế, trong khi sự quan tâm của các cấp chính quyền còn chưa đúng mức, thiếu một hệ thống chính sách phù hợp. Điều này có thể thấy qua các hoạt động tổ chức chiếu phim, biểu diễn văn nghệ dành cho đồng bào ở các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, nếu tính chính xác sẽ có mức chi phí cao gấp nhiều lần khu vực nông thôn đồng bằng. Trong khi đó, nguồn kinh phí dành cho những hoạt động này lại tính theo đầu dân với số lượng dân rất ít ở các xã miền núi là điều không thực tế và bất bình đẳng so với khu vực đồng bằng. Ngoài ra, vẫn còn những chính sách được ban hành thiếu thực tế, không thu hút được sự hưởng ứng tham gia của người dân, gây lãng phí. Ở nhiều nơi, các vật phẩm văn hóa, sách, báo được phát cho đồng bào vùng cao không mang lại tác dụng thiết thực bởi chưa phù hợp trình độ dân trí. Ngược lại, có những ấn phẩm, vật phẩm văn hóa được đồng bào ưa thích bởi phù hợp khả năng nhận thức của họ, có tác dụng tuyên truyền tốt thì không được chú ý đầu tư sản xuất, phát hành, như các băng đĩa hình, đĩa tiếng về ca nhạc, dân ca, diễn xướng dân gian, phim truyện, phim phóng sự lòng tiếng dân tộc thiểu số. Nhiều tỉnh vẫn chưa có nổi một trung tâm lòng tiếng cho các đơn vị phát hành phim và chiếu bóng hoặc, nếu có thì cũng hoạt động cầm chừng do hạn chế về biên chế và kinh phí, chỉ lòng được một số ngôn ngữ chủ yếu. Việc đầu tư không phù hợp thực tế và khập khiễng đã làm cho đời sống văn hóa vùng cao vẫn nghèo nàn. Bên cạnh đó, sau

hiều năm tìm hiểu với quá nhiều hội thảo, trao đổi, ngành văn hóa vẫn chưa ra được chính sách công nhận và tôn vinh một cách xứng đáng các nghệ nhân dân tộc để động viên và nhất là hỗ trợ về vật chất, giúp họ có điều kiện giữ gìn, trao truyền cho các thế hệ sau những tri thức, di sản văn hóa của cộng đồng, của dân tộc.

Sự quan tâm, ưu đãi nhằm từng bước nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho đồng bào dân tộc thiểu số miền núi đòi hỏi Nhà nước phải có những chính sách phù hợp mang tính chất đặc thù, trong đó cần nghiên cứu và đề xuất cả một hệ thống chính sách liên quan tới quá trình đầu tư sản xuất, lưu thông, phổ biến, phân phối các sản phẩm văn hóa cho vùng cao, phù hợp với nhu cầu và đời sống của đồng bào; có chính sách hỗ trợ và ưu đãi với định mức chi tăng gấp nhiều lần so với mức chi hoạt động văn hóa ở vùng đồng bằng. Việc hỗ trợ hoạt động văn hóa có vai trò quan trọng của Nhà nước, nhưng cũng cần thực hiện theo hướng xã hội hóa, huy động sự tham gia của các nguồn lực, tạo dựng cơ sở vật chất cho hệ thống các thiết chế văn hóa vùng cao; bảo đảm cho các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động văn hóa có đủ nguồn kinh phí sản xuất và phổ biến văn hóa phẩm dành cho đồng bào dân tộc thiểu số miền núi. Nhà nước cần tăng cường hơn nữa đơn đặt hàng sản xuất các văn hóa phẩm điện ảnh, ca múa nhạc, truyền hình, phát thanh bằng tiếng dân tộc thiểu số hỗ trợ về phụ cấp lương, chế độ công tác phí, kinh phí vận chuyển và tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ tại cơ sở.

Chính sách hỗ trợ cho hoạt động sáng tạo văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số cần được ngành văn hóa và các cấp chính quyền cụ thể hóa bằng định mức nguồn kinh phí hằng năm trao cho các giải thưởng, tổ chức tập luyện, sáng tác và biểu diễn nghệ thuật quần chúng. Trong chính sách với các nghệ nhân, nên có chính sách cụ thể về quyền lợi để họ được hưởng thụ tương tự như đối tượng người có uy tín của vùng đồng bào dân tộc thiểu số; cho phép các câu lạc bộ, các lớp truyền dạy do nghệ nhân tổ chức được hưởng chế độ hỗ trợ như với đội văn nghệ quần chúng ở cơ sở; đồng thời sớm ban hành Nghị định về danh

hiệu nghệ nhân để tôn vinh, tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí cho họ yên tâm hoạt động; đóng góp vào phong trào văn nghệ ở địa phương.

1.8. Cơ hội và thách thức của nền văn hóa Việt Nam trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế

Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, cùng với quá trình đặt trọng tâm vào đổi mới về kinh tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định đường lối xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Quan điểm này đánh dấu sự phát triển tư duy lý luận của Đảng, đồng thời cũng là kết quả tổng kết thực tiễn xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam trong suốt quá trình lãnh đạo của Đảng.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội lần thứ VII (6-1991) đã xác định nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc là một trong sáu đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Như vậy, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu phấn đấu, vừa là một nhiệm vụ trọng yếu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc tiếp tục được bổ sung, phát triển đầy đủ và phong phú hơn trong các văn kiện của Đảng sau này. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã chỉ rõ: "Nền văn hóa mà Đảng ta lãnh đạo toàn dân xây dựng là nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc". Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ra nghị quyết riêng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng tiếp tục khẳng định: "Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội".

Tháng 7-2004, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã ra Kết luận Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong những

năm sắp tới. Đại hội lần thứ X của Đảng (4-2006) khẳng định: “Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội”.

Nhận thức toàn diện và sâu sắc về phương hướng, đặc trưng, nhiệm vụ và giải pháp để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một trong những yêu cầu cấp thiết để tạo nên sự thống nhất và đồng thuận xã hội, tạo động lực cho việc triển khai các nghị quyết của Đảng về lĩnh vực văn hóa trong thời kỳ đổi mới hiện nay. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để chúng ta kế thừa những quan điểm và thành tựu lý luận này để xây dựng và phát triển văn hoá Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

Để xây dựng thành công nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng ta đã chỉ ra mười nhiệm vụ cụ thể như sau:

Nhiệm vụ thứ nhất: Xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

Xây dựng con người Việt Nam hiện đại đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới là nhiệm vụ trọng tâm của quá trình xây dựng và phát triển nền văn hóa hiện nay. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã nhấn mạnh: “Mọi hoạt động văn hóa nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hoà trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách, kế thừa truyền thống cách mạng của dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁸.

Nhiệm vụ thứ hai: Xây dựng môi trường văn hóa.

Môi trường văn hóa là môi trường chứa những giá trị văn hóa và những quan hệ văn hóa của con người từ quá khứ đến hiện tại và hướng tới tương lai. Môi trường văn hóa là nơi đồng thời diễn ra các hoạt động văn hóa từ hoạt động sáng tạo, sản xuất, bảo quản, lưu giữ, truyền bá, thưởng thức và đánh giá các giá

trị văn hóa. Môi trường văn hóa được hiện diện bằng sự tồn tại của các giá trị văn hóa vật thể, các giá trị văn hóa phi vật thể, các hoạt động văn hóa cá nhân và cộng đồng trong những mối quan hệ đa dạng và sinh động, từ hành vi của cá nhân tới gia đình, họ hàng, làng xóm và cộng đồng xã hội cùng với sự ứng xử của họ với quá khứ, hiện tại và tương lai, với con người và tự nhiên.

Môi trường văn hóa chính là hệ sinh thái văn hóa, nuôi dưỡng đời sống tinh thần của xã hội. Xây dựng môi trường văn hóa góp phần ổn định chính trị - xã hội, tạo bầu không khí tinh thần lành mạnh làm tiền đề để xây dựng con người, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của con người.

Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Đảng ta đã nhấn mạnh: "Tạo ra ở các đơn vị cơ sở (gia đình, làng, bản, xã, phường, khu tập thể, cơ quan, xí nghiệp, nông trường, lâm trường, trường học, đơn vị bộ đội...), các vùng dân cư (đô thị, nông thôn, miền núi...) đời sống văn hóa lành mạnh, đáp ứng những nhu cầu văn hóa đa dạng và không ngừng tăng lên của các tầng lớp nhân dân... Phát triển và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa ở cơ sở; đầu tư xây dựng một số công trình văn hoá trọng điểm tâm quốc gia. Tăng cường hoạt động của các tổ chức văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp, phát triển phong trào quần chúng hoạt động văn hóa, nghệ thuật"⁹. Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa; xây dựng trường học, cơ quan, đơn vị văn hóa; xây dựng làng bản, khối phố văn hóa là những nội dung quan trọng để xây dựng môi trường văn hóa ở cơ sở.

Nhiệm vụ thứ ba: Phát triển sự nghiệp văn học và nghệ thuật.

Văn học, nghệ thuật là bộ phận tinh tế và nhạy cảm của văn hóa, thể hiện khát vọng vươn tới các giá trị Chân - Thiện - Mỹ của nhân dân. Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của sự nghiệp văn học, nghệ thuật là sáng tạo những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ sâu sắc, có ý nghĩa giáo dục, bồi dưỡng tinh thần, tình cảm, nhân cách và bản lĩnh cho các thế hệ công dân hiện nay. Khuyến khích các tìm tòi, thể nghiệm mọi phương pháp, phong cách sáng tạo, đáp ứng mọi nhu cầu tinh thần lành mạnh

của nhân dân. Nâng cao trách nhiệm của đội ngũ nghệ sĩ trước nhân dân, dân tộc và thời đại. Đồng thời bài trừ các khuynh hướng sáng tác suy đồi, phi nhân tính. Đấu tranh chống lại các khuynh hướng sáng tác trái với đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng. Nâng cao thị hiếu thẩm mỹ nghệ thuật cho nhân dân, đặc biệt là tầng lớp thanh, thiếu niên, nhi đồng. Khuyến khích các hoạt động văn nghệ quần chúng, tạo điều kiện để nhân dân tham gia sáng tạo, hưởng thụ các giá trị nghệ thuật cao của dân tộc và nhân loại.

Nhiệm vụ thứ tư: Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa.

Di sản văn hóa là tài sản, của cải quý báu kết tinh sự sáng tạo lâu dài của dân tộc do lịch sử để lại, bao gồm các di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể. Di sản văn hóa còn là cơ sở để liên kết cộng đồng, là nền tảng để sáng tạo các giá trị văn hóa mới, là tiền đề để mở rộng giao lưu văn hóa với các dân tộc khác trên thế giới. Di sản văn hóa không chỉ nhằm thoả mãn nhu cầu tinh thần của nhân dân, góp phần khẳng định niềm tự hào dân tộc, mà còn là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng qua hệ thống di sản văn hóa có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với thế hệ trẻ hiện nay. Vì vậy, đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, nâng cao trách nhiệm của nhân dân đối với việc bảo vệ và phát huy vai trò của di sản văn hóa dân tộc là công việc vừa cơ bản, vừa cấp bách, cần phải được tiến hành nghiêm túc, kiên trì và thận trọng.

Nhiệm vụ thứ năm: Phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã khẳng định: “Phát triển khoa học và công nghệ cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

Để đáp ứng yêu cầu về con người và nguồn nhân lực, nhân tố quyết định sự phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần tạo chuyển biến cơ bản và toàn diện về giáo dục và đào tạo. Giáo dục và đào tạo cần tập trung bồi dưỡng thế hệ trẻ tinh thần yêu nước, yêu quê hương, gia đình và

tinh thần tự hào dân tộc, có lý tưởng xã hội chủ nghĩa, lòng khoan dung, ý thức tôn trọng pháp luật, tinh thần hiếu học, chí tiến thủ lập nghiệp, không cam chịu nghèo hèn. Đào tạo lớp người lao động có kiến thức cơ bản, làm chủ kỹ năng nghề nghiệp, quan tâm với hiệu quả thiết thực, nhạy cảm với cái mới, có ý thức vươn lên về khoa học và công nghệ. Xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề, các chuyên gia và các nhà khoa học, nhà văn hóa, nhà quản lý và kinh doanh giỏi. Có chính sách tốt trong việc sử dụng nhân lực và nhân tài để phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và xã hội hóa.

Cùng với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ cũng được coi là chìa khoá cho sự phát triển. Do đó, cần tăng cường tiềm lực và đổi mới cơ chế quản lý để khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực phát triển đất nước. Phát huy vai trò của khoa học xã hội và nhân văn trong việc tổng kết thực tiễn và đi sâu nghiên cứu những vấn đề lớn của đất nước, khu vực và toàn cầu, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, cung cấp luận cứ cho việc hoạch định đường lối, chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phát huy nhân tố con người và văn hóa Việt Nam. Khoa học tự nhiên chú trọng việc nghiên cứu thực tiễn, nghiên cứu cơ sở khoa học của việc phát triển công nghệ trọng điểm, khai thác tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo phòng tránh thiên tai. Khoa học và công nghệ tập trung nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh, bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng. Coi trọng việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hoá vào trong sản xuất và dịch vụ. Mở rộng giao lưu và hợp tác khoa học giữa các địa phương, các ngành trong nước và quốc tế. Các địa phương, các ngành cần chú trọng xây dựng các luận cứ khoa học cho các dự án, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, có cơ chế để phát huy vai trò dân chủ của nhân dân tham gia đóng góp vào các chương trình, dự án này. Mặt khác, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người lao động sử dụng đúng những thành tựu khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, tránh

tình trạng lạm dụng hoặc thiếu hiểu biết khi sử dụng những thành tựu này (thuốc trừ sâu, thuốc kích thích, các chất độc hại gây ô nhiễm môi trường và gây độc hại cho người tiêu dùng).

Nhiệm vụ thứ sáu: Phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng.

Các phương tiện thông tin đại chúng bao gồm sách, báo, tạp chí, các đài phát thanh và truyền hình ở Trung ương và địa phương... đóng vai trò to lớn trong việc tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội tới nhân dân và phản ánh nguyện vọng của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, góp phần to lớn vào việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Bên cạnh phát triển chiến lược truyền thông quốc gia, các địa phương, các ngành, các cấp ở cơ sở cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, tạo điều kiện để phát triển mạnh mẽ lưới thông tin văn hóa ở cơ sở. Phấn đấu đến năm 2010, hoàn thành cơ bản việc phổ cập các phương tiện phát thanh, truyền hình đến mỗi gia đình. Phát triển các điểm văn hóa kết hợp với hệ thống bưu cục khắp các xã trên phạm vi cả nước. Dùng tiếng nói dân tộc và chữ viết của các dân tộc trên các phương tiện thông tin đại chúng ở vùng đồng bào dân tộc. Sớm phát hiện và xử lý kiên quyết đối với việc tuyên truyền các thông tin phản động và phản văn hóa.

Nhiệm vụ thứ bảy: Bảo tồn và phát huy, phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số.

Nước ta gồm có 54 dân tộc anh em từng đoàn kết, gắn bó với nhau trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Những thành tựu văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số là một bộ phận tạo nên nền văn hóa Việt Nam đa dạng và phong phú trong sự thống nhất; bổ sung và hỗ trợ, tạo điều kiện để mỗi dân tộc phát triển bình đẳng trong cộng đồng quốc gia Việt Nam. Vì vậy, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc không thể không chú ý tới nhiệm vụ hết sức quan trọng là bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã nhấn mạnh: “Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc, các giá trị văn học, nghệ

thuật, ngôn ngữ, chữ viết và thuần phong mỹ tục của các dân tộc; tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh; khai thác các kho tàng văn hóa cổ truyền. Tiếp thu tinh hoa và góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa của nhân loại. Đấu tranh chống sự xâm nhập của văn hóa độc hại”¹¹.

Cần nâng cao trình độ dân trí, trình độ khoa học, kỹ thuật, công nghệ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng xây dựng đội ngũ trí thức và những nhà quản lý người dân tộc, khuyến khích họ công tác tại địa phương mình. Tăng cường công tác điều tra, sưu tầm, tôn tạo, bảo vệ và phát huy các công trình văn hóa mới, xây dựng lối sống, tác phong, phong tục và tập quán mới phục vụ yêu cầu phát triển hiện nay, mở rộng hợp tác giao lưu, hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc để cùng tiến bộ.

Nhiệm vụ thứ tám: Chính sách văn hóa đối với tôn giáo.

Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân và đang tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đảng và Nhà nước ta thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia. Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng. Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng, có giá trị định hướng để đoàn kết, gắn bó các tôn giáo vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ở những vùng đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, có những đặc điểm văn hóa khác nhau, cần nêu cao tinh thần công bằng, bác ái, hướng thiện của các tôn giáo vào sự nghiệp xây dựng cuộc sống tốt đẹp của cộng đồng. Đồng thời chăm lo phát triển kinh tế và văn hóa, nâng cao trình độ dân trí, trình độ khoa học - công nghệ, hỗ trợ đồng bào xóa đói giảm nghèo, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của đồng bào theo các tôn giáo khác nhau với nhân

dân, với Tổ quốc và với sự nghiệp đổi mới hiện nay. Kiên quyết đấu tranh chống việc lợi dụng tôn giáo để phá hoại sự nghiệp đổi mới.

Nhiệm vụ thứ chín: Mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa.

Giao lưu, hợp tác quốc tế là một yêu cầu tất yếu để xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Để thực hiện nhiệm vụ này, công tác quản lý nhà nước về văn hóa cần chú trọng các nội dung chính sau:

- Làm tốt việc giới thiệu văn hoá đất nước và con người Việt Nam với thế giới, để nhân dân thế giới hiểu biết, chia sẻ, đồng cảm và ủng hộ nhiều hơn nữa sự nghiệp đổi mới của Việt Nam.

- Tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học tiến bộ của nước ngoài; phổ biến những kinh nghiệm tốt về xây dựng và phát triển văn hoá của các nước trên thế giới.

- Chú trọng giúp đỡ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn và bảo vệ văn hóa dân tộc, hiểu biết hơn về đất nước và sự nghiệp đổi mới, tạo điều kiện để họ tham gia vào xây dựng, phát triển văn hóa dân tộc.

Mở rộng giao lưu văn hoá, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại phải gắn liền với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phát triển văn hóa Việt Nam lên tầm cao mới để góp phần đóng góp cho nền văn hóa nhân loại. Đồng thời phải nâng cao cảnh giác, chống xu hướng “lai căng” và sự xâm nhập các loại sản phẩm phản văn hóa, đồi trụy, phản động vào đời sống tinh thần của nhân dân.

Nhiệm vụ thứ mười: củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hoá.

Thể chế văn hoá là hệ thống các quy định về quản lý, xây dựng và phát triển văn hoá, bao gồm:

- Hệ thống tổ chức, bộ máy cán bộ trên lĩnh vực văn hoá.
- Cơ chế hoạt động và phối hợp của các tổ chức văn hoá.
- Hệ thống chính sách văn hoá.
- Hệ thống các thiết chế văn hoá từ Trung ương đến cơ sở xã, phường.

Cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý có hiệu quả của cơ quan nhà nước ở các cấp, phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội và của nhân dân trong việc xây dựng đời sống văn hóa. Ở cấp cơ sở, nhiệm vụ củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hoá cần tập trung giải quyết một số nội dung sau:

- Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các thiết chế hiện có.
- Thực hiện chủ trương "Nhà nước và nhân dân cùng làm" và xã hội hóa các hoạt động văn hoá.
- Xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa ở cơ sở như nhà văn hóa, thư viện, trạm phát thanh, truyền hình, trạm bưu điện văn hóa, sân chơi, sân thể thao, trung tâm văn hóa giải trí cho thanh, thiếu niên...
- Thực hiện nghiêm túc các văn bản luật pháp về văn hóa, thông tin mà Nhà nước ban hành. Củng cố nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý văn hóa ở cấp xã, phường; giải quyết tốt các chế độ, chính sách cho hoạt động văn hóa ở cơ sở và đáp ứng tốt nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Trước mắt cần tập trung thực hiện tốt *nhiệm vụ trọng tâm* là xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa lành mạnh trong xã hội, trước hết là trong các tổ chức Đảng và Nhà nước, trong các đoàn thể quần chúng và gia đình. Để thực hiện nhiệm vụ trọng tâm này, cần thực hiện tốt các nội dung sau:

- Kiên quyết loại bỏ các phần tử thoái hóa, biến chất về đạo đức ra khỏi tổ chức Đảng và cơ quan nhà nước. Nghiêm trị tội phạm. Ngăn ngừa và đẩy lùi các hoạt động phản văn hóa, các sản phẩm văn hóa độc hại.
- Xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, đẩy lùi hủ tục, tệ nạn cờ bạc, ma túy, mại dâm, bạo lực, gây rối trật tự công cộng.
- Cải thiện văn hóa ở những vùng đời sống còn quá khó khăn, nhất là những vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đáp ứng nhu cầu thiết yếu về văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Những nhiệm vụ trên đây phải được tiến hành đồng bộ, thường xuyên và phải được cụ thể hoá ở từng giai đoạn, từng địa phương. Ở đây, sự gương mẫu của đội ngũ lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội là điều kiện cơ bản để thực hiện thành công những nhiệm vụ quan trọng này.

CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH, PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG

2.1. Một số vấn đề về xây dựng văn hóa cộng đồng

2.1.1. Khái niệm

Văn hóa cộng đồng

Văn hóa cộng đồng thuật ngữ chỉ nội hàm văn hoá của một nhóm các thực thể xã hội có chung mục đích, nội dung văn hoá đang có. Nội hàm này thường được hiểu như một mục tiêu xây dựng văn hoá đương đại gắn với mỗi nhóm cộng đồng hiện có theo mục tiêu xây dựng đời sống văn hoá cơ sở của Việt Nam hiện nay.

Cũng có khái niệm khác cho rằng “*văn hóa cộng đồng là văn hóa ứng xử của cộng đồng, tức là phương thức và nguyên tắc ứng xử của một cộng đồng trong những môi trường, không gian và thời gian xác định*”¹.

Mỗi một cộng đồng đều có đặc trưng văn hóa riêng, xuất phát từ những yếu tố đơn lẻ hợp thành văn hóa chung của cộng đồng, vì vậy văn hóa cộng đồng rất đa dạng, nó phụ thuộc vào *khát vọng hưởng thụ văn hóa* của các thành viên, *môi trường văn hóa* và các *quan hệ văn hóa*. Mỗi yếu tố này ở các cộng đồng khác nhau sẽ mang những sắc thái khác nhau tạo nên đặc trưng văn hóa riêng của mỗi cộng đồng.

2.1.2 *Mối quan hệ giữa dự án, chương trình và chính sách*

Dự án

Các nhà quản lý theo những cách khác nhau dường như đều nói tới dự án với 5 nguyên tắc sau:

- Dự án là kết quả đạt được một lần.
- Dự án là duy nhất (không có sự trùng lặp về nội dung với các dự án khác).
- Dự án có khoảng thời gian xác định và giới hạn về ngân sách.
- Dự án tạo ra sự thay đổi.
- Dự án có kết quả xác định.

¹ Phạm Hồng Tung – *Bàn về văn hóa cộng đồng* – Tạp chí Khoa học DDHQGHN, Khoa học xã hội và nhân văn 26 (2010).

Chuyên gia nổi tiếng thế giới về quản lý dự án Phil Baguley phát biểu: “Dự án là một chuỗi các sự việc tiếp nối được thực hiện trong khoảng thời gian giới hạn và được vạch rõ với mục tiêu đạt được một kết quả duy nhất nhưng được xác định rõ”, nói cách khác; *Dự án là một loạt các hoạt động được sắp xếp nhằm đạt được một kết quả cụ thể trong phạm vi ngân sách và thời gian nhất định - Dự án không phải là kế hoạch.*

Dự án hoạt động như một thấu kính mà qua đó một tổ chức hay một cá nhân có thể tập trung những nguồn lực và khả năng nhằm đến kết quả mong muốn. Kết quả dự án có thể vô hình hay hữu hình. Dự án có thể về bất cứ điều gì ta cần hay muốn có, lớn nhỏ, liên quan tới một số người và có thời gian kéo dài chỉ một ngày hay thập kỷ. Các dự án về cơ bản có hoạt động thực hiện được hỗ trợ và củng cố nhờ các hoạt động quản lý, lập kế hoạch, giám sát và kiểm tra.

Năm thành tố dự án là những sự việc duy nhất liên quan đến một chuỗi các hoạt động nối tiếp diễn ra một khoảng thời gian hữu hạn và nhằm phát sinh kết quả duy nhất nhưng được xác định rõ ràng. Những khía cạnh của ranh giới dự án được thể hiện bằng các thuật ngữ như: thời gian, chi phí và thực hiện. Trên cơ sở của mục tiêu, tất cả các khía cạnh này phải được xác định rõ ràng và cụ thể ngay từ đầu dự án và được quản lý, kiểm tra xuyên suốt quá trình hoạt động của dự án.

Trong một số văn bản nhà nước và báo chí, nhiều khi gặp thuật ngữ *đề án*. Tuy nhiên *đề án* không được xác định cụ thể như dự án mà thường được hiểu như một chương trình hành động có mục tiêu, tập hợp một số hoạt động, dự án, dịch vụ... Đề án thường không được định lượng một cách cụ thể, chi tiết và thường ở phạm vi rộng lớn, bao trùm. Ví dụ: Đề án nhằm mục tiêu tự túc về lương thực tiến đến có lương thực xuất khẩu trong những năm 80 ở Việt Nam, được triển khai ở nhiều địa phương trong phạm vi cả nước với sự tham gia của nhiều cơ quan và tổ chức chính phủ.

Có thể nhìn nhận dự án với những *đặc trưng* cơ bản sau:

- Có một hay một hệ thống các mục tiêu cụ thể, rõ ràng và định lượng được. Ví dụ một bức tượng, một bộ phim...

- Dự án là một chuỗi các hoạt động liên tục, nối tiếp nhau mà kết quả của từng hoạt động là cơ sở cho những hoạt động tiếp theo.

- Ràng buộc về nguồn lực (các yếu tố nguồn lực đầu vào như: tiền, nhân lực, vật liệu, thiết bị...).

- Ràng buộc về thời gian: thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc.

- Tổ chức dự án là một bộ máy tạm thời và của riêng dự án đó. Sau khi kết thúc dự án, tổ chức dự án cũng kết thúc sứ mạng

Các dự án đều giống nhau ở *chu trình bốn giai đoạn*: xác định và xây dựng dự án - lập kế hoạch - quản lý thực hiện - kết thúc dự án. Bốn giai đoạn này nên nối tiếp nhau theo một quy trình tuyến tính. Tuy nhiên các dự án trên thực tế không phải lúc nào cũng có thể theo quy trình này một cách chính xác bởi tính phức tạp và đa dạng của nó.

-Giai đoạn đầu tiên là nghiên cứu khả thi nhằm xác định rõ ràng các mục tiêu của dự án, *xây dựng* bản đề xuất dự án;

-Giai đoạn thứ hai của dự án - *lập kế hoạch* bắt đầu từ mục tiêu; và công việc sau cùng là xác định từng nhiệm vụ phải thực hiện, ước tính thời gian cần thiết để hoàn tất, sắp đặt các nhiệm vụ theo trình tự hợp lý cùng bộ máy nhân sự phù hợp với các nhiệm vụ đó.

-Giai đoạn *triển khai thực hiện* đòi hỏi phải vận dụng tất cả những kỹ năng quản lý truyền thống, cũng như cần kiểm tra và giám sát nghiêm ngặt. Điều đó sẽ đảm bảo cho dự án luôn theo đúng lịch trình, ngân sách và các tiêu chuẩn chất lượng nhất định. Một trong những đặc điểm quan trọng nhất của dự án là nó có một tuổi thọ nhất định.

-Dự án sẽ *kết thúc* sau khi đạt được mục tiêu và chuyển giao kết quả cho các thành phần liên quan. Nhóm dự án cũng chấm dứt hoạt động, nhưng chỉ sau khi các thành viên đã tổng kết và rút ra các bài học kinh nghiệm.

Dự án văn hóa nghệ thuật

Cụm từ *dự án văn hóa - nghệ thuật* được sử dụng để chỉ các dự án mà mục tiêu đặt ra thuộc lĩnh vực của văn hóa - nghệ thuật. Cho đến nay, chưa ai nhắc đến một định nghĩa riêng biệt cho *dự án văn hóa nghệ thuật*. Song trên

thực tế những dự án thuộc lĩnh vực văn hoá - nghệ thuật có những đặc thù riêng của nó ngay từ giai đoạn đầu tiên khi tiến hành xây dựng dự án, đó là:

- Sự sáng tạo trong ý tưởng;
- Tài chính cho dự án không phải là quá lớn so với những dự án của những lĩnh vực khác;
- Kết quả thu được ít mang tính định lượng nhưng lại mang tính định tính cao;
- Sự bền vững của dự án ngắn, phụ thuộc vào sự thay đổi của môi trường;
- Làm việc nhóm là điều kiện tiên quyết;

Cần thống nhất rằng: quản lý dự án văn hóa - nghệ thuật là ứng dụng các phương pháp và kỹ năng quản lý dự án nói chung vào việc quản lý các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật mà thôi.

Các phương pháp xây dựng và quản lý dự án có thể được ứng dụng cho các loại dự án thuộc lĩnh vực văn hóa nghệ thuật như:

- Dự án phục hồi di sản văn hóa phi vật thể.
- Dự án bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể.
- Dự án trùng tu di tích văn hóa - lịch sử.
- Dự án giáo dục thẩm mỹ nghệ thuật.
- Chính sách là sản phẩm của quá trình ra quyết định lựa chọn các vấn đề, mục tiêu và giải pháp để giải quyết.
- Chương trình máy tính là tập hợp các câu lệnh thực hiện một tác vụ cụ thể khi được máy tính thực thi. ... Các chương trình máy tính có thể được phân loại theo các dòng chức năng, chẳng hạn như phần mềm ứng dụng và phần mềm hệ thống.

2.1.3. Mục tiêu của dự án văn hóa cộng đồng

Xây dựng văn hóa cộng đồng không nhằm đến mục đích đạt được các thành tích vật chất hay phong trào bề nổi mà hướng đến hiệu quả chuyển biến văn hóa – xã hội. Mục tiêu tổng quát của xây dựng văn hóa cộng đồng được thể hiện ở 4 khía cạnh:

- Hướng tới cải thiện đời sống văn hóa của cộng đồng với sự cân bằng về vật chất và tinh thần, qua đó tạo ra những chuyển biến trong đời sống văn hóa – xã hội của cộng đồng.

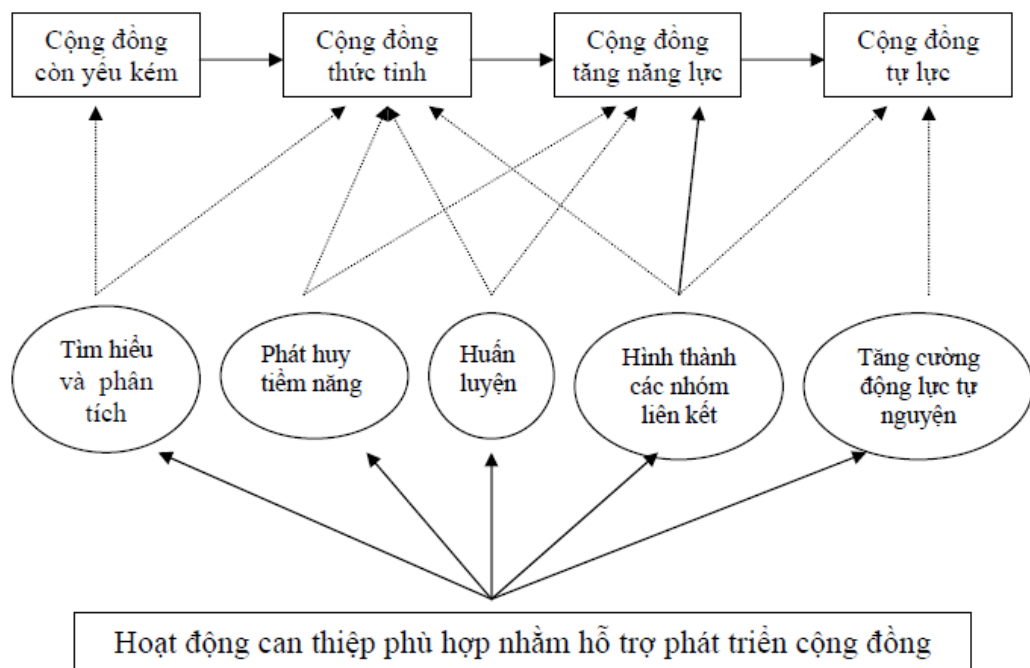
- Tạo môi trường để con người được bộc lộ, chia sẻ khát vọng tích cực nhất.

- Tạo sự bình đẳng trong tham gia của mọi nhóm xã hội trong cộng đồng, kể cả các nhóm thiệt thòi nhất đều có quyền nêu lên nguyện vọng của mình và được tham gia vào các hoạt động

- củng cố các thiết chế, tổ chức để tạo điều kiện cho phát triển văn hóa cộng đồng.

2.1.4. Xây dựng văn hóa cộng đồng cũng như phát triển cộng đồng: có hai khái niệm then chốt là *xây dựng năng lực* (capability building) và *tăng quyền lực* (empowerment) được coi là hai trọng tâm của phát triển cộng đồng. Để tạo được điều này, xây dựng văn hóa cộng đồng phải là một quá trình luôn luôn tiếp diễn. Mục tiêu cuối cùng của hoạt động xây dựng văn hóa cộng đồng là giúp cho văn hóa cộng đồng đi từ tình trạng kém phát triển, không tự mình giải quyết các vấn đề của mình tiến tới tự lực.

2. 1.5. Nguyên tắc về quy trình phát triển văn hóa cộng đồng



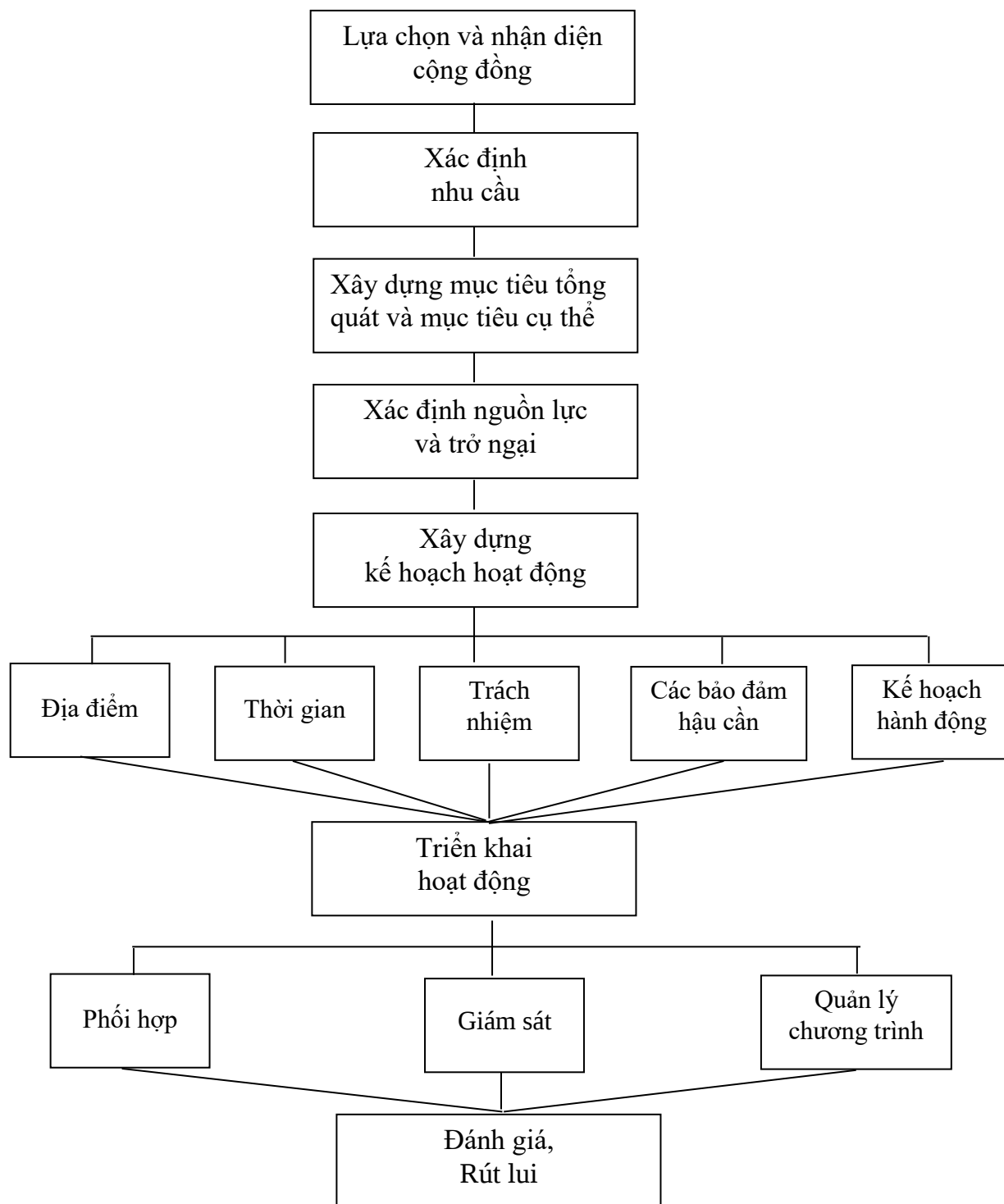
Thức tỉnh cộng đồng: Cũng như người bệnh, càng biết rõ tình trạng phát triển của mình càng dễ dàng hợp tác với bên ngoài. Như nguyên tắc trong chữa bệnh, càng tích cực hợp tác càng mau lành bệnh.

Người ta thường đi vào một cộng đồng, triển khai nhiều chương trình mà người dân không hiểu gì hết. Việc làm đầu tiên là phải giúp họ hiểu về chính mình thông qua các hoạt động nhận diện và chẩn đoán cộng đồng, gồm các hoạt động trao đổi, thảo luận, điều tra các nhu cầu và vấn đề khó khăn cũng như tiềm năng và thuận lợi, xác lập những vấn đề ưu tiên, xây dựng các dự án để giải quyết các vấn đề của cộng đồng, lượng giá tính hiệu quả của chúng.

Tăng năng lực: Như một bệnh nhân, họ phải uống thuốc (nguồn lực bên ngoài), tự tập luyện (nguồn lực bên trong). Cũng vậy, một cộng đồng phải được hỗ trợ từ bên ngoài (kiến thức chuyên môn, tài chính...) và thông qua quá trình huấn luyện cộng đồng để khắc phục những hạn chế và tăng cường kiến thức và kỹ năng để hành động. Các hoạt động tăng độ liên kết, khả năng tổ chức, lãnh đạo và quản lý để hành động tập thể có hiệu quả hơn có một vị trí quan trọng trong tiến trình này.

Tự lực: Mục đích quan trọng nhất là thông qua thay đổi và tăng trưởng, cộng đồng sẽ trở nên tự lực. Mục đích cuối cùng không phải là mọi khó khăn, khủng hoảng không còn nữa mà mỗi lần gặp khó khăn, cộng đồng có thể tự huy động nguồn lực bên trong và bên ngoài để giải quyết vấn đề. Điều này chỉ có thể có nếu biết xử lý đúng các tình huống trong quá trình phát triển, qua đó, cộng đồng sẽ tăng trưởng và tự lực hơn như con người phải trải qua khủng hoảng mới trưởng thành được. Tiến trình phát triển cộng đồng luôn luôn tiếp diễn và tái diễn vì mục tiêu tạo ra một sự chuyển biến xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống, khả năng tự tổ chức và thực hiện các vấn đề. Thông qua các chương trình phát triển văn hóa cộng đồng như là những phương pháp "kích hoạt" các mục tiêu trên được từng bước triển khai trong thực tiễn.

2.2. Quy trình tổ chức hoạt động của văn hóa cộng đồng



Các hoạt động trên không phải hoàn toàn tách biệt nhau, không chỉ làm xong công việc này mới đến công việc khác mà tùy trường hợp, hai hay ba hoạt động có thể tiến hành cùng lúc. Trình tự của các công việc trên cũng có thể được thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh.

2.2.1. *Lựa chọn và nhận diện cộng đồng*

- Việc lựa chọn cộng đồng được bắt đầu từ phạm vi rộng và hẹp dần đến khi phù hợp với tiêu chuẩn và khả năng đáp ứng của cơ quan phát triển. Thông thường công việc này được bắt đầu từ việc lựa chọn khu vực (thí dụ khu vực đồng bằng hay miền núi, khu vực nông thôn hay thành thị...), đến việc lựa chọn làng, xã, khu phố cụ thể. Ở bước này, người cán bộ phát triển văn hóa cộng đồng có thể căn cứ trên các nguồn thông tin đại chúng, từ số liệu thống kê công khai của các địa phương hoặc qua sự giới thiệu hay tham khảo ý kiến của đồng nghiệp hoặc các cơ quan xã hội có kinh nghiệm liên quan đến các địa phương này.

Ví dụ: Lựa chọn xã nào để xây dựng mô hình hoạt động nhà văn hóa? Tổ chức sinh hoạt lễ hội ở đâu? Bảo tồn di tích của làng xã nào? Có nên tổ chức hội thơ, hội cờ giáo chức không?... phải có bước nhận diện cộng đồng mới xác định được.

- *Vai trò:*

- + Xác định bối cảnh của việc tổ chức hoạt động
- + Cung cấp cơ sở dữ liệu xây dựng nội dung hoạt động
- + Là một trong những cơ sở đánh giá các kết quả của dự án

- *Nội dung:* Nhận diện cộng đồng trên các phương diện:

- + Tài nguyên, môi trường
- + Các hoạt động kinh tế
- + Kết cấu cơ sở hạ tầng
- + Đặc điểm dân số - lao động
- + Các tổ chức trong cộng đồng, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động
- + Phương thức lãnh đạo và ảnh hưởng của phương thức này
- + Những khía cạnh văn hóa

Các sinh hoạt văn hóa cộng đồng

Các sinh hoạt văn hóa tại gia đình: cưới hỏi, tang ma, các lễ kỷ niệm, các hình thức thờ cúng

Thiết chế văn hóa cổ truyền: đình, đền, chùa, miếu...

Phong tục tập quán cổ truyền, hệ giá trị, chuẩn mực hiện đại

Các chuyển đổi văn hóa

Quan hệ gia đình, họ tộc, láng giềng

Hệ thống thiết chế truyền tải văn hóa

Hệ thống tổ chức và quản lý văn hóa

Các hình thức sáng tạo văn hóa nghệ thuật

Các hình thức hưởng thụ văn hóa nghệ thuật: thời gian, địa điểm, loại hình

- + Quan hệ với cộng đồng khác
- + Các vấn đề về giáo dục
- + Những vấn đề cấp thiết cần phải giải quyết
- + Các nguồn lực tại chỗ
- + Các nguồn lực tài trợ

(tùy từng trường hợp cụ thể cần phải thu thập thêm những thông tin khác nhau)

- *Phương pháp tiến hành*: Điều tra (định tính và định lượng), tham khảo ý kiến các chuyên gia, chính quyền

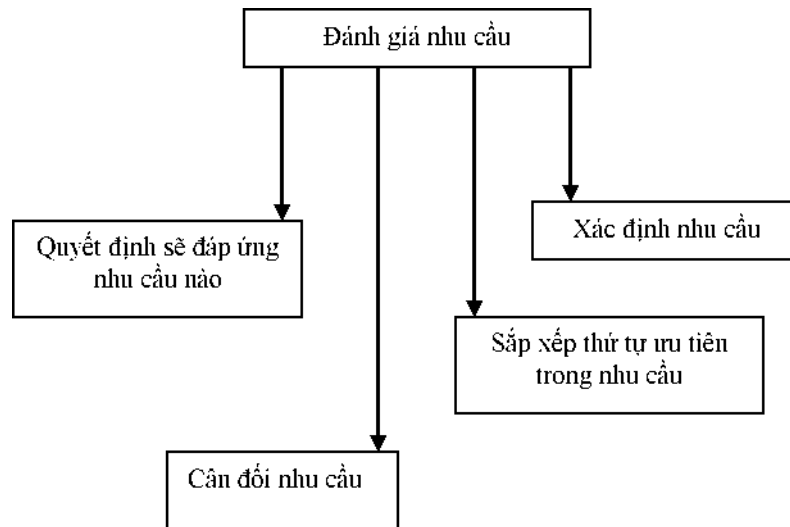
2.2.2. Xác định nhu cầu

- Xác định nhu cầu là một trong những khâu quan trọng trong tiến trình xây dựng dự án. Đánh giá nhu cầu có hệ thống là một vấn đề tương đối mới trong hoạt động phát triển. Nhu cầu là một hiện tượng cần được đáp ứng hay nguyện vọng, lợi ích của người dân. Nhu cầu được định nghĩa là sự cách biệt giữa tình trạng thực và tình trạng mong muốn đạt được. Từ góc độ của dự án, chúng ta coi việc đánh giá nhu cầu là tiến trình đánh giá và đo lường những cách biệt giữa “tình trạng thực” và “tình trạng mong muốn đạt được”, xét xem những tình trạng nào cần được ưu tiên giải quyết trước.

- Có nhiều kỹ thuật đánh giá nhu cầu, từ đánh giá không chính thức đến đánh giá chính thức và đánh giá một cách có hệ thống. Cơ sở của việc đánh giá có hệ thống như sau :

- Xác định nhu cầu

- Sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhu cầu
- Cân đối các nhu cầu
- Xem xét những nhu cầu nào có thể đáp ứng được



- Vai trò:

- + Là cơ sở đặt ra mục tiêu cần đạt tới của hoạt động phát triển văn hóa cộng đồng
- + Cung cấp dữ liệu cần cho việc xác định những chỉ báo để lượng giá kết quả hoạt động

- Nội dung:

- + Ai có nhu cầu (trẻ em, người cao tuổi, thanh thiếu niên...)
- + Có nhu cầu gì (học chữ, sinh hoạt văn hóa – văn nghệ...)
- + Ai xác định nhu cầu (người lãnh đạo cộng đồng, tổ chức tài trợ..)

- Phương pháp đánh giá nhu cầu:

- + Trên cơ sở xác định các nhu cầu sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhu cầu, cân đối các nhu cầu và chỉ rõ những yêu cầu nào có thể đáp ứng được.

+ Các kỹ thuật xác định nhu cầu:

- Điều tra khảo sát (survey)
- Quan sát (observation)
- Bảng câu hỏi (questionnaire)
- Dự các cuộc họp của người dân, lắng nghe họ thảo luận

- Hội thảo chuyên đề có sự tham gia của các thành viên trong cộng đồng và của các người lãnh đạo (chính thức và không chính thức)
- Năm bắt quan điểm của các tổ chức
- Tham khảo ý kiến các viên chức nhà nước
- Phỏng vấn
- Đơn xin của cộng đồng, đơn xin thỉnh cầu
- Tiếp xúc cá nhân với những nhân vật trong cộng đồng (cả tích cực và không tích cực)
- Trưng bày áp phích, hình ảnh
- Mời cộng đồng tham dự và lắng nghe một buổi nói chuyện của chuyên gia về phát triển và tổ chức thảo luận về nhu cầu của cộng đồng
- Xác định nhu cầu sau một buổi chiếu phim làm cơ sở để thảo luận
- Các buổi họp khi tình hình có vấn đề dưới hình thức động não (brainstorm)
- Báo cáo chuyên đề hay báo cáo tổng hợp từ các đợt nghiên cứu cộng đồng
- Các ý kiến của đại biểu Quốc hội hay Hội đồng Nhân dân các cấp.

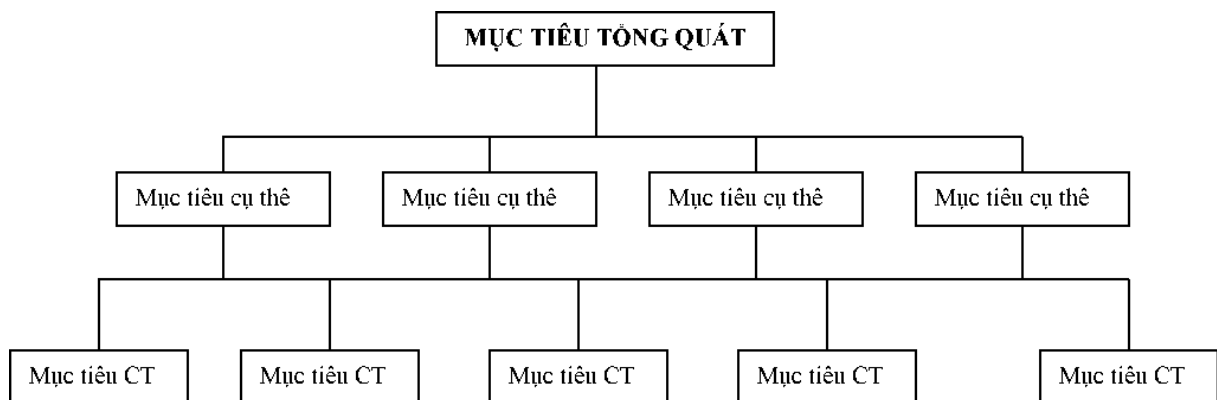
2.2.3. Xây dựng mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể

- Định nghĩa:
 - + Mục tiêu tổng quát: mục đích cuối cùng của hoạt động phát triển văn hóa cộng đồng, được các bên tham gia nhất trí.
 - + Mục tiêu cụ thể: sự giải thích cụ thể hơn mục tiêu tổng quát (làm cái gì? khi nào làm? có thể làm được hay không? có thể đo lường được hay không?)
- Khi xây dựng mục tiêu cụ thể phải đáp ứng được 4 yêu cầu sau đây :
 - + Cái gì ? làm cái gì ?
 - + Khi nào làm ?
 - + Có thể làm được hay không (với thời gian, tiền bạc và nhân sự sẵn có)

+ Có thể đo lường được, nghĩa là sau đó có thể đo đếm mục tiêu cụ thể đã đạt được hay chưa ?

Mục tiêu cụ thể phải : (SMART)

- ☐ Đặc thù không được chung chung (specific)
- ☐ Đo lường được (measurable)
- ☐ Có thể đạt được (attainable)
- ☐ Thực tế (realistic)
- ☐ Đạt được trong một thời gian nhất định (time-bound)



Về mặt lý thuyết, việc xác định đúng mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể theo logic thống nhất sẽ là điều kiện cho các hoạt động của dự án không đi chệch hướng. Các mục tiêu cụ thể chịu sự chi phối của mục tiêu tổng quát, cụ thể hóa mục tiêu tổng quát.

Dựa trên các nhu cầu mà sắp xếp thứ tự ưu tiên để xác định mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể là khâu quan trọng khi lên kế hoạch cho một dự án PTCD.

☐ Mục tiêu tổng quát xác định cái người ta mong đợi từ một dự án, dưới dạng một tuyên bố chung nhất bao trùm và tổng hợp một loạt những kết quả có được từ dự án. Một mục tiêu tổng quát được cấu tạo từ nhiều mục tiêu cụ thể.

☐ Mục tiêu cụ thể biểu thị kết quả bằng những cụm từ mang tính hành động nhiều hơn.

- Vai trò:

+ Xác định phương hướng hành động bao quát và cụ thể của hoạt động

- + Là căn cứ để đánh giá kết quả hoạt động
- Phương pháp:
 - + Xác định mục tiêu dựa trên nhu cầu của cộng đồng
 - + Nội dung các mục tiêu phải đo lường, định lượng được
 - + Đảm bảo tính thực tiễn (khả thi trong một thời hạn và địa điểm nhất định)

2.2.4. Xác định nguồn lực và trở ngại

- Sau khi xác định mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể trên cơ sở sắp xếp những nhu cầu ưu tiên thì điều quan trọng là liệt kê những nguồn lực sẵn có và cần có, dự kiến những trở ngại có thể gặp trong quá trình đạt tới những mục tiêu cụ thể. Việc thẩm định các nguồn tài nguyên giúp cho việc hiểu rõ được thế mạnh của CD để đạt được những mục tiêu cụ thể đã xác định. Công việc này cũng giúp xác định tài nguyên của CD và những gì cần huy động từ bên ngoài.

Những trở ngại là nhân tố có thể cản trở bước tiến triển của dự án. Việc thẩm định những trở ngại là cần thiết để nhận diện những khó khăn, đề ra những chiến lược khắc phục những trở ngại trước khi chúng xuất hiện và biến những trở ngại thành nguồn tài nguyên.

- Vai trò:
 - + Xác định thế mạnh của cộng đồng và những gì cần huy động từ bên ngoài.
 - + Giúp cho khi xác định nội dung hoạt động có phương án xử lý khó khăn và phát huy thuận lợi.
- Nội dung:
 - + Xác định các nguồn lực cần thiết để triển khai hoạt động
 - + Xác định các nguồn lực sẵn có ở cộng đồng và các nguồn lực cần huy động thêm từ bên ngoài. Bao gồm: nguồn lực vật chất (đường sá, đất đai, điện, nước...), khả năng tài chính của cộng đồng, nguồn lực các tiết chế/tổ chức (trường học, nhà văn hóa, tổ chức xã hội tại cộng đồng), nguồn nhân lực (lãnh

đạo, nhân viên của các tổ chức, người dân có kinh nghiệm, uy tín trong cộng đồng...), tinh thần hợp tác, ý chí vươn lên của cộng đồng.

- + Xác định các phương thức tận dụng tối đa các nguồn lực bên trong và bên ngoài.

- + Xác định các trở ngại của cộng đồng: mâu thuẫn tạo ra sức ì của cộng đồng, cơ chế quản lý yếu kém....

- Phương pháp: Điều tra khảo sát, quan sát, hội thảo chuyên đề, tham khảo ý kiến chuyên gia, tiếp xúc cá nhân với những nhân vật của cộng đồng...

2.2.5. Xây dựng kế hoạch hoạt động

- Vai trò:

- + Phát huy tối đa các nguồn lực sẵn có, hạn chế trở ngại

- + Tránh trùng lặp công việc, nâng cao hiệu quả, giảm chi phí, nhân lực và thời gian.

- Nội dung:

- + Xác định các hoạt động của dự án: là bước quan trọng nhất trong giai đoạn lên kế hoạch dự án. Việc xác định kế hoạch hoạt động phải thực hiện trong dự án phải có sự tham gia của tất cả các bên có liên quan. Khi xác định các hoạt động phải dựa trên các mục tiêu cụ thể của dự án, kể cả các nguồn lực và những trở ngại. Phải liệt kê những hoạt động chính và những đề mục trong từng hoạt động.

- + Lên trình tự các hoạt động : Phải thiết lập một trình tự đúng đắn cho các hoạt động ngay trong giai đoạn lên kế hoạch sẽ tránh được lãng phí thời gian và nguồn lực. Một số hoạt động phải hoàn thành trước khi tiến hành những hoạt động khác (Tìm kiếm đối tác, tìm kiếm nguồn lực tài chính.) Và cũng có một số những hoạt động tiến hành song song với các hoạt động khác (Thành lập ban quản lý dự án, xây dựng tổ chức, nghiên cứu thăm dò.).

- + Lên khung thời gian : Xác định khi nào tiến hành các hoạt động trên là việc tiếp theo cần làm, vạch kế hoạch về thời gian cho cả hoạt động chính và phụ sẽ giúp cho việc dự đoán được mỗi hoạt động sẽ khởi sự và hoàn tất trong khuôn khổ tài nguyên sẵn có và những trở ngại đã dự kiến. Điều này cũng giúp

giám sát các hoạt động của dự án trong quá trình thực hiện, kiểm tra xem công việc có tiến triển theo đúng thời gian không. GANTT và PERT là hai công cụ chính triển khai một khung thời gian cho dự án.

+ Phân công trách nhiệm : Lên kế hoạch dự án sẽ không hoàn chỉnh nếu không phân công trách nhiệm cho từng cá nhân thực hiện những hoạt động khác nhau. Việc này cũng phải làm có phương pháp để bảo đảm cộng đồng cùng tham gia.

+ Các vấn đề hậu cần : Việc tiến hành các hoạt động của dự án đòi hỏi nhiều loại phương tiện, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ khác nhau. Các thành viên trong cộng đồng phải tự xác định những thứ này cho từng hoạt động.

+ Chuẩn bị kinh phí : Việc chuẩn bị ngân sách rất quan trọng trong việc lập kế hoạch dự án. Ngân sách nói chung là xác định các khoản thu và khoản chi. Trong những dự án PTCĐ có thể lập ngân sách dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong một số dự án người ta ưu tiên ước tính chi phí cho những hoạt động dự án bởi vì tiến hành sẽ do một tổ chức tài trợ. Nếu một dự án không có nguồn tài trợ thì nên ước tính số tiền cần thiết và làm thế nào để vận động trước khi bắt đầu dự án. Kinh phí có thể huy động từ các thành viên trong cộng đồng, các nhà hảo tâm, các tài trợ của chính phủ trung ương, chính quyền địa phương, các tổ chức phi chính phủ (NGO).

Cần phân định các nguồn lực tài chính từ bên ngoài và bên trong theo tinh thần dân chủ, công khai. Đặc biệt là nguồn tiền quyên góp từ dân. Sự thảo luận công khai, chi tiêu hợp lý, tiết kiệm, quyết toán rõ ràng sẽ là một động lực thu hút sự tham gia của người dân hơn nữa vào các hoạt động của dự án. Nếu có những vấn đề nảy sinh, cần thảo luận trực tiếp với người dân hoặc đại diện của họ.

- Yêu cầu:

- + Xây dựng kế hoạch dựa trên những mục tiêu cụ thể
- + Có sự tham gia của các bên liên quan
- + Xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể

2.2.6. Triển khai hoạt động

- Các hoạt động phối hợp:
 - + Các hoạt động phối hợp giữa các lực lượng bên trong cộng đồng
 - + Các hoạt động phối hợp với các tổ chức, lực lượng bên ngoài cộng đồng

- Hoạt động giám sát: Là hoạt động kiểm soát việc thực thi các hoạt động bởi một cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở các mục tiêu, nội dung và nguồn lực đã đề ra trong kế hoạch. Hoạt động giám sát có vai trò chấn chỉnh kịp thời những sai lầm trong quá trình thực hiện đồng thời hỗ trợ chuyên môn trong quá trình kiểm soát.

- Quản lý hoạt động: là tiến trình tổ chức và sử dụng nguồn lực nhằm đạt được mục tiêu tổng quát và những mục tiêu cụ thể đề ra (sử dụng các nguồn lực từ tài chính, vật chất đến nhân lực). Bao gồm một số hoạt động chủ yếu sau:

- + Xây dựng cơ chế quản lý
- + Xây dựng và triển khai kế hoạch
- + Tuyển chọn và sử dụng nhân lực

2.2.7. *Đánh giá, rút lui*

- Đánh giá tính hiệu quả, mức độ thành công của hoạt động, các tác động kinh tế - văn hóa – xã hội đối với cộng đồng thụ hưởng.

- Thời điểm:

- + Đánh giá trước khi tổ chức hoạt động: thẩm định tính chất thích đáng và khả năng của việc tổ chức hoạt động

- + Đánh giá thường xuyên

- + Đánh giá giai đoạn (khi đã tiến hành được những khối lượng công việc nhất định)

- + Đánh giá tổng kết: khi kết thúc quá trình hoạt động

- + Đánh giá tác dụng hay hiệu quả của hoạt động: sau khi hoàn thành công việc một thời gian

- Yêu cầu

- + Do chuyên gia/nhóm chuyên gia tiến hành hoặc do cấp cao hơn đánh giá cấp thấp hơn

+ Tiến hành đánh giá có sự tham gia của các bên liên quan, quan trọng nhất là những người thụ hưởng

+ Đưa kết quả đánh giá càng sớm càng tốt

+ Khi đánh giá phải xem xét các vấn đề về số lượng và chất lượng, phải căn cứ vào những mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể.

- Phương pháp:

+ Điều tra khảo sát

+ Phỏng vấn

+ Thảo luận

+ Hợp với các bên tham gia

2.3. Lập phương án xây dựng một số hoạt động văn hóa cộng đồng cụ thể

2.3.1. Xây dựng chương trình phát triển văn hóa đọc (cộng đồng các em nhi đồng tại địa bàn cư trú)

2.3.2. Xây dựng chương trình hướng nghiệp tại trung tâm giáo dục cộng đồng.

Chương 3: THỰC HÀNH TỔ CHỨC MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG

3.1. Hoạt động thông tin - tuyên truyền, cổ động

Thông tin (inform) có nghĩa là thông báo tin tức. Nên dùng như động từ, không nên dùng như danh từ. Tin tức có thể dùng như danh từ chẳng hạn: tin tức thời sự, tin hoạt động văn hóa... Ngày nay, thuật ngữ thu thập tin tức được sử dụng khá phổ biến. Tin tức chính là tất cả những gì mang lại hiểu biết cho con người. Con người luôn có nhu cầu thu thập tin tức bằng nhiều cách khác nhau: đọc báo, nghe đài, xem truyền hình, giao tiếp với người khác... Thông tin giúp làm tăng hiểu biết của con người, là nguồn gốc của nhận thức và là cơ sở của quyết định

Nhiệm vụ chủ yếu của công tác thông tin - tuyên truyền cổ động là phổ biến rộng rãi trong công chúng các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, động viên nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trung ương và địa phương, nêu gương người tốt, việc tốt, phê phán thói hư tật xấu, góp phần tạo dựng đời sống văn hóa mới, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh ở cơ sở.

Thông tin tuyên truyền, cổ động cho cộng đồng phải đảm bảo tính tư tưởng; tính thiết thực, cụ thể; tính rõ ràng, dễ hiểu; tính nhanh nhạy, kịp thời, thường xuyên, liên tục.

Trong công tác tuyên truyền, cổ động có nhiều biện pháp, hình thức.

- Thông tin, tuyên truyền cổ động bằng tin tức: các dạng tin văn, tin tường thuật, tin quảng bá được phổ biến trên đài phát thanh, băng tin, các phương tiện thông tin đại chúng, các chương trình hoạt động cộng đồng...

- Thông tin tuyên truyền cổ động bằng lời nói trực tiếp: dùng ngôn ngữ nói để truyền đạt thông tin đưa ra các lý lẽ, minh chứng nhằm thuyết phục đối tượng suy nghĩ và hành động theo định hướng.

- Thông tin tuyên truyền cổ động bằng các hình thức trực quan: băng tin, panô, áp phích, tranh biếm họa, triển lãm, khẩu hiệu...

- Thông tin tuyên truyền bằng các hình thức văn nghệ.

Triển lãm là hình thức giáo dục trực quan sinh động mà sâu sắc, thu hút đông đảo quần chúng. Các tổ, đội thông tin cổ động là lực lượng xung kích, có thể đem tiếng nói của Đảng, Nhà nước đến tận những bản, làng xa xôi, hẻo lánh. Dùng hình thức văn nghệ nhỏ, nhẹ để chuyển tải thông tin, kết hợp cổ động trực quan với tuyên truyền miệng. Hoạt động thông tin cổ động nhanh nhạy, kịp thời tác động trực tiếp với đối tượng nên có hiệu quả cao.

Ngày nay, với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và công nghệ đã xuất hiện các phương tiện thông tin đại chúng được hiện đại hóa và thông tin mạng nên công tác thông tin cũng phát triển mạnh. Do đó con người càng được tiếp cận và chịu sự tác động của cả thế giới năng động. Đồng thời, con người cũng dễ lúng túng trước sự bùng nổ thông tin. Vì vậy, công tác thông tin cổ động rất cần tham gia định hướng, giúp con người lựa chọn và tiếp nhận thông tin thuận lợi để có nhận thức và hành động đúng, thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ công dân tốt.

3. 2. Hoạt động của câu lạc bộ

Hiệp hội/Câu lạc bộ là một tổ chức xã hội tập hợp theo nguyên tắc tự nguyện của những người cùng sở thích, thuộc các lĩnh vực chính trị - xã hội - kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật và các hoạt động vui chơi giải trí, nghỉ ngơi, thể thao khác.

Hiệp hội/Các câu lạc bộ tổ chức các lớp học tập hay sinh hoạt chung để nâng cao trình độ nghiệp vụ, bổ sung kiến thức, tích thích sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đời sống, sản xuất.

Hiệp hội/Câu lạc bộ hoạt động theo tinh thần tự nguyện, tự quản. Tự quản về tổ chức, nội dung hoạt động và tài chính theo đúng pháp luật của nhà nước.

3.3 Hoạt động giáo dục truyền thống

Để tiến hành công tác giáo dục truyền thống văn hóa - lịch sử, ngành văn hóa chủ trương xây dựng các nhà bảo tàng, phòng truyền thống. Ở đơn vị cơ sở có thể xây dựng phòng truyền thống hoặc góc truyền thống, nhà lưu niệm.

Các hoạt động có tính quần chúng rộng rãi như "uống nước nhớ nguồn", "tìm địa chỉ đỏ", "đền ơn đáp nghĩa", tổ chức lễ hội... cũng có ý nghĩa giáo dục tốt.

Việc công nhận và xây dựng các di tích lịch sử - văn hóa cũng nhằm để giáo dục truyền thống có hiệu quả.

3.4. Hoạt động văn nghệ quần chúng

Hoạt động văn nghệ quần chúng là dạng hoạt động rất hấp dẫn, phong phú, đa dạng, không thể thiếu ở cơ sở, thu hút đông đảo quần chúng tham gia, kể cả mọi lứa tuổi. Có thể nói, hoạt động văn nghệ quần chúng là nhân tố quan trọng làm nên sức sống của một đơn vị văn hóa cơ sở. Hoạt động văn nghệ quần chúng bao gồm cả việc sáng tạo ra các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, biểu diễn, lưu giữ và truyền bá những giá trị đó kể cả văn hóa - văn nghệ dân gian truyền thống ở cơ sở.

Các loại hình văn nghệ quần chúng: ca nhạc, kịch, múa, thơ, họa... được biểu diễn trên sân khấu hoặc ngoài trời để tự biểu hiện tài năng nghệ thuật của quần chúng.

Tác dụng:

- Phản ánh kịp thời và sinh động cuộc sống đa dạng của nhân dân địa phương một cách mềm dẻo.

- Đáp ứng những đòi hỏi về thưởng thức nghệ thuật của quần chúng, qua đó bồi dưỡng năng lực nhận thức, xây dựng thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh, tiến bộ và là phương thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc có hiệu quả tốt.

- Đáp ứng nhu cầu sáng tác và biểu diễn của quần chúng, qua đó phát hiện và bồi dưỡng các tài năng trẻ. Có thể xem văn nghệ quần chúng là một vườn ươm nghệ thuật. Nhiều nghệ sĩ có tên tuổi trưởng thành từ phong trào văn nghệ quần chúng ở cơ sở.

Để phát triển văn nghệ quần chúng, các thiết chế văn hóa một mặt có nhiệm vụ nâng cao chất lượng phong trào văn nghệ ở cơ sở, mặt khác cần đưa các giá trị văn hóa nói chung và giá trị nghệ thuật cao đến với quần chúng.

3.5. Xây dựng nếp sống văn hóa

Nếp sống là toàn bộ những ứng xử của con người, biểu hiện trong mối quan hệ với thiên nhiên, xã hội và chính bản thân con người, được lặp đi lặp lại nhiều lần trong cuộc sống, trở thành thói quen, phong tục. Đó cũng là một hệ thống chuẩn mực xã hội được cộng đồng chấp nhận và tự nguyện thực hiện. Phong tục tập quán có những giá trị tốt đẹp cần bảo lưu và phát triển, có những hạn chế, lạc hậu cần khắc phục.

Xây dựng nếp sống bao gồm xây dựng nếp sống cá nhân, nếp sống gia đình và nếp sống xã hội. Vì vậy, các thiết chế văn hóa thông tin cơ sở và hoạt động của nó có tác dụng hình thành nếp sống văn hóa mới, khắc phục những tiêu cực của nếp sống cũ.

Hiện nay, gia đình cũng được coi là một dạng cộng đồng đặc biệt để phát triển văn hóa cộng đồng.

3.6. Hoạt động thể dục thể thao, vui chơi giải trí

Hoạt động thể dục thể thao không chỉ nhằm mục đích tăng cường thể lực, mà còn rèn luyện những phẩm chất, tinh thần như: ý chí bền bỉ, lòng dũng cảm, hoạt bát, thông minh và tinh thần tập thể, đồng đội. Cũng như các hoạt động vui chơi khác, hoạt động thể dục thể thao có tác dụng giải trí lớn.

Ở những nơi có điều kiện như có Nhà văn hóa, sân bãi thì có thể kết hợp tổ chức thành các điểm vui chơi giải trí thường xuyên. Nơi chưa có điều kiện thì nên tổ chức hoạt động thể thao, thể dục, vui chơi, giải trí theo định kỳ ở đơn vị cơ sở hoặc ở các gia đình.

Thể dục thể thao là một dạng hoạt động văn hóa thể chế rất cần đối với cộng đồng, đáp ứng nhu cầu khác nhau ở mọi lứa tuổi. Vì thế, các thiết chế văn hóa ở cơ sở cần quan tâm và tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu này của dân.

Bên cạnh việc tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng thì yêu cầu về người cán bộ phát triển văn hóa cộng đồng cũng khá quan trọng. Người cán bộ phát triển văn hóa cộng đồng phải là người đáp ứng được những yêu cầu về phẩm chất, năng lực cũng như trình độ chuyên môn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hữu Nhân (2004), *Phát triển cộng đồng*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Oanh (2000), *Phát triển cộng đồng*, Khoa Phụ nữ học, Đại học Mở - Bán công Tp Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Ngọc Lâm - *Kỹ năng xây dựng và quản lý dự án* – Trường ĐH mở bán công TPHCM.
4. Tập bài giảng Phát triển văn hóa cộng đồng – Trường ĐH Lao động xã hội.
5. Viện Sử học (1977), *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, NXB KHXH, Hà Nội, tập 1.